

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

-----000-----

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2020**

THANH HÓA, NĂM 2020

Số: 890/QĐ-ĐVTDĐT

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa
trình độ Thạc sĩ, năm 2020**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THANH HOÁ**

Căn cứ quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/07/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-ĐVTDĐT ngày 19/02/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các đơn vị phòng Đào tạo Sau Đại học, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí - Đảm bảo CLGD, các Khoa, Bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH,HĐT;
- Như điều 3;
- Lưu VP, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



T.S. Lê Thanh Hà

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 890/QĐ-ĐVTDT ngày 16 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

Tên chương trình: Quản lý Văn hóa

Trình độ đào tạo: Thạc sỹ

Ngành đào tạo: Quản lý Văn hóa

Mã số: 8319042

Loại hình đào tạo: Chính quy

1.MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1.Mục tiêu chung

CTĐT ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sỹ nhằm mục tiêu giúp người học nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về văn hóa-nghệ thuật; Có tư duy khoa học và năng lực hoạt động của một nhà quản lý, xây dựng đề án chiến lược về văn hóa trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế; Có năng lực nghiên cứu, tổ chức, quản lý và khả năng làm việc độc lập sáng tạo; Nắm vững các lý thuyết về văn hóa-nghệ thuật; phương pháp nghiên cứu và ứng dụng vào công tác quản lý chuyên ngành; Nắm vững các vấn đề quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý các tổ chức văn hóa-nghệ thuật trên những điều kiện thực tế.

1. 2. Mục tiêu cụ thể

2.1.1. Về kiến thức

M1.Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa Việt Nam;

M2. Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay.

2.1.2. Về kỹ năng

M3. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

M4.Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

M5. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

M6. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

M7. Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.1.3. Về thái độ

M8: Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh.

M9: Biết trân trọng giá trị văn hóa dân tộc, trân trọng giá trị của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

M10: Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có tinh thần trách nhiệm và đảm bảo đạo đức nghề nghiệp

M11: Tác phong công nghiệp hóa: khẩn trương, tích cực, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

1.3.Trình độ ngoại ngữ

Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.CHUẨN ĐẦU RA

2.1.Kiến thức

** Kiến thức chung:*

C1: Người học có hiểu sâu sắc các kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học, những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

** Kiến thức cơ sở ngành:*

C2: Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn vận dụng trong quản lý văn hóa.

C3: Vận dụng được những kiến thức liên ngành về xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp... trong quản lý văn hóa

** Kiến thức chuyên ngành:*

C4: Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay

C5: Hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn quản lý văn hóa.

2.2.Kỹ năng

C6: Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

C7: Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

C8: Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

C9: Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

C10: Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

2.3.Năng lực tự chủ, trách nhiệm

C11: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

C12: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2.4.Về phẩm chất đạo đức

C13: Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh.

C14: Biết trân trọng giá trị văn hóa dân tộc, trân trọng giá trị của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

C15: Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có tinh thần trách nhiệm và đảm bảo đạo đức nghề nghiệp

C16: Tác phong công nghiệp hóa: khẩn trương, tích cực, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

3.KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Chương trình đào tạo Thạc sỹ Quản lý Văn hóa theo chương III, điều 19, 20, 21, 22, Quy chế đào tạo thạc sỹ ban hành theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hình thức đào tạo tín chỉ và được chia làm 3 khối kiến thức, cụ thể:

+ Phần kiến thức chung: 08 tín chỉ

+ Phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành: 38 tín chỉ

-Các học phần bắt buộc: 11 học phần, 30 tín chỉ (lý thuyết: 18 tín chỉ; thực hành, thảo luận, bài tập: 12 tín chỉ).

-Các học phần tự chọn: 04 học phần, 18 tín chỉ (lý thuyết: 4 tín chỉ, thực hành, thảo luận: 02 tín chỉ, bài tập: 4 tín chỉ).

+ Thực tập thực tế: 03 tín chỉ

+ Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ

Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45- 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn.

- Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

4.THÔNG TIN TUYỂN SINH

Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**Về văn bằng và ngành học*

Ngành đúng: Ngành Quản lý Văn hóa

Ngành gần/chuyên ngành gần: Văn hóa học; Văn hóa quần chúng, Văn hóa dân tộc thiểu số; Lý luận và lịch sử Mỹ thuật; Việt Nam học; Sáng tác văn học; Bảo tàng học, Kinh doanh xuất bản phẩm; Triết học; Lịch sử; Ngôn ngữ học; Văn học; Đông phương học; Quản lý thể dục thể thao....

Đối với các thí sinh ngành khác căn cứ trên thực tiễn hồ sơ đăng ký và phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

**Về thâm niên công tác*

-Người có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp;

-Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Văn hóa kể từ khi tốt nghiệp Đại học.

**Về sức khỏe:* Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc theo quy định hiện hành.

**Hồ sơ dự tuyển:* Có đầy đủ các hồ sơ, thủ tục theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong Thông báo tuyển sinh.

5.QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Điều kiện trúng tuyển

Thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Thi tuyển:

Môn thi tuyển gồm 03 môn thi: môn cơ bản, môn cơ sở và môn ngoại ngữ.

Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trong nước mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng ngoại ngữ, không qua phiên dịch;

Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trong nước mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng ngoại ngữ, không qua phiên dịch;

+ Trình độ các chứng chỉ được miễn không thấp hơn trình độ tiếng Anh TOEFL ITP 400; TOEF iBT 32 hoặc IETLS 4,0 trở lên hoặc tương đương; tiếng Nga TRKI cấp độ 1 hoặc tương đương; tiếng Trung HSK cấp độ 4 hoặc tương đương; tiếng Pháp TCF niveau 1 trở lên hoặc tương đương; tiếng Đức ZD cấp độ 2 hoặc tương đương và các chứng chỉ của ngoại ngữ khác đạt ở trình độ tương đương. Các chứng chỉ này có giá trị sử dụng trong 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi tuyển sinh đào tạo trình

độ thạc sĩ. Việc xác định mức độ tương đương của các ngoại ngữ căn cứ theo chuẩn B1-B2 của khung châu Âu chung.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Những học viên đã tích lũy đủ số học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn điểm đạt 5,5 trở lên thì được xét công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa.

6.CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KTTX), điểm chuyên cần (CC) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo tỷ lệ: Điểm học phần = $CC \cdot 10\% + KTTX \cdot 20\% + KTHP \cdot 70\%$

Điểm TBC tích lũy toàn khóa là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D mà học viên đã tích lũy được.

Công thức tính: Điểm TBC học phần * số TC của học phần / Tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa.

7.VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU TỐT NGHIỆP

- Học viên tốt nghiệp ngành Quản lý Văn hóa, có thể công tác tại Sở và Phòng Văn hóa - Thể thao - Du lịch, các Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan thuộc các Bộ văn hóa, các bộ ngành có tổ chức hoạt động văn hóa, văn hóa nghệ thuật nghệ thuật.

- Học viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công tác tại các tổ chức, cơ quan chuyên trách văn hóa thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay các tổ chức, cơ quan văn hoá, giáo dục có yếu tố nước ngoài.

- Thực hiện công tác tham mưu, quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa, đời sống văn hóa.

- Nghiên cứu và bảo vệ văn hóa tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.

- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, các trường nghiệp vụ về văn hoá - thông tin, chính trị - hành chính, các trường nghiệp vụ của các tổ chức xã hội (thanh niên, công đoàn).

- Quản lý nghiệp vụ tại các tổ chức, cơ quan thuộc ngành văn hoá - thông tin - du lịch (Sở VH,TT&DL các tỉnh; phòng VH,TT&DL các huyện Trung tâm văn hóa; UBND các xã; Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan chuyên trách nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Làm việc trong các công ty, tổ chức có hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa: công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp.

- Hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật.

- Kinh doanh độc lập dịch vụ văn hóa, chương trình, sự kiện, dự án văn hóa

8.NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

8.1.Tóm tắt chương trình đào tạo

-Tổng số tín chỉ của CTĐT: 64 TC

-Khối kiến thức chung: 8 TC

+ Bắt buộc: 08 TC

+ Tự chọn: 0 TC

-Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 38 TC

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: 15 TC

Tự chọn: 04 TC

Bắt buộc: 11 TC

+ Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC

Tự chọn: 04 TC

Bắt buộc: 19 TC

+ Thực tập, thực tế: 03 TC

+ Luận văn tốt nghiệp: 15 TC

8.2.Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Tổng số	Loại giờ		Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	TH, TN, TL	
I	Phần kiến thức chung: 02 HP-08 TC					
1	KTC01	Triết học (Philosophy)	4	3	1	Không
2	KTC02	Ngoại ngữ (Foreign language)	4	3	1	KTC01
II	Phần kiến thức cơ sở ngành: 06 HP – 15TC					
II.1	Bắt buộc: 04HP-11TC					
3	CSBB03	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội (Specialized scientific research melthod)	3	2	1	KTC01 KTC02
4	CSBB 04	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam (Exchange and cultururation in	3	2	1	KTC01 KTC02

		<i>Vietnamese cultural history)</i>				CSBB03
5	CSBB 05	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội (<i>Culture , civilization and social progress</i>)	3	2	1	KTC01 KTC02 CSBB03 CSBB04
6	CSBB 06	Tâm lý học quản lý (<i>Psychology of Management</i>)	2	1	1	KTC01 KTC02 CSBB03 CSBB04 CSBB05
II.2	Tự chọn: 02/05HP - 4TC					
7	CSTC07	Văn hóa và du lịch (<i>culture and tourism</i>)	2	1	1	Không
8	CSTC 08	Nông thôn và đô thị trong văn hóa Việt Nam (<i>Rural and urban in Vietnamese culture</i>)	2	1	1	Không
9	CSTC 09	Văn hóa tôn giáo Việt Nam (<i>Vietnam religious culture</i>)	2	1	1	Không
10	CSTC 10	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á (<i>Vietnam Culture in the context of South-East Asia</i>)	2	1	1	Không
III	Kiến thức chuyên ngành: 09 HP-23 TC					
III.1	Bắt buộc: 07HP-19TC					
11	CNBB11	Quản lý sự kiện văn hóa (<i>Cultutal event management</i>)	3	2	1	Không
12	CNBB12	Quản lý truyền thông đại chúng(<i>Mass communication</i>)	2	1	1	Không
13	CNBB13	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (<i>Management of cultural and sport institutions</i>)	3	2	1	Không
14	CNBB14	Quản lý thị trường văn hóa(<i>Cultural Market Management</i>)	3	2	1	Không
15	CNBB15	Phát triển chính sách văn hóa (<i>Development of cultural policy</i>)	3	2	1	Không

16	CNBB16	Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật (<i>Culture resource development</i>)	2	1	1	Không
17	CNBB17	Quản lý di sản văn hóa Việt Nam (<i>Cultural Heritage Administration Vietnamese</i>)	3	2	1	Không
III.2	Tự chọn: 02/04 HP-04TC					
18	CNTC18	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa (<i>Planning, cultural development strategy</i>)	2	1	1	Không
19	CNTC19	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật (<i>Fundraising for arts and cultural activities</i>)	2	1	1	Không
20	CNTC20	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững (<i>cultrural management and sustainable development</i>)	2	1	1	Không
21	CNTC21	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (<i>Vietnamese traditional art</i>)	2	1	1	Không
IV	Nghiên cứu hoạt động thực tế		3	0	3	
V	Luận văn thạc sĩ		15	0	15	
	Tổng số tín chỉ tích lũy		64			

8.3.Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (05 học phần, 16 tín chỉ)	-2 học phần phần kiến thức chung (8 tín chỉ)	
	+ Triết học	4
	+ Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	4
	-3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành (8 tín chỉ)	
	+ Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	3
Học kỳ 2 (06 học phần, 16 tín chỉ)	+ Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	3
	+ Tâm lý học quản lý	2
	-1 học phần bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành (3 tín chỉ)	
	+ Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	3
	-2 học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành (4 tín chỉ)	
	-3 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (9 tín chỉ)	
Học kỳ 3 (06 học phần)	+ Quản lý sự kiện văn hóa	3
	+ Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	3
	+ Quản lý Di sản văn hóa Việt Nam	3
	-4 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (10 tín chỉ)	
	+ Quản lý truyền thông	2

<i>phần, 14 tín chỉ)</i>	+ Phát triển chính sách văn hóa	3
	+ Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật	2
	+ Quản lý thị trường văn hóa	3
	-2 học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (4 tín chỉ)	4
	-Bảo vệ đề cương luận văn thạc sĩ	
Học kỳ 4	-Nghiên cứu hoạt động thực tế	3
	-Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ	15

9.CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

9.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC 4 (3,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình

- Chức danh, học hàm, học vị: TS, trưởng khoa GDĐC-NNA
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 39 Lê Hoàn, phường Điện Biên, TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0936861115
- Email: tinhnt85@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Triết học

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đình Trãi

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Đường Thôi Hiệu – phường Đông Hương – Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 0946760688
- Email: nguyendinhtraib@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Triết học

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Triết học (Phylosophy)
- Mã học phần: KTC01
- Số tín chỉ: 04
- Học kỳ thực hiện: Kỳ I
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:

Giảng lý thuyết: 45 tiết

Thảo luận, bài tập: 15 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý văn hoá

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức

Cung cấp cho học viên một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành Triết học, các nguyên lý, các phạm trù, các quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nâng cao năng lực tư duy lý luận cho học viên để từ đó có thể tiếp cận được nội dung các học phần khác dưới cái nhìn của tư duy biện chứng.

3.2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng đọc, xử lý phân tích và tổng hợp.
- Học viên vận dụng tri thức đã học để giải đáp và giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực công tác của mình mà thực tiễn đặt ra.

3.3.Thái độ

- Hình thành thái độ nghiêm túc, chủ động và tích cực trong học tập, nghiên cứu.
- Học viên nâng cao được ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần công dân trong việc vận dụng tri thức triết học vào thực tiễn.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội

1.1. Triết học là gì?

1.1.1.Triết học và đối tượng của triết học

1.1.2. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

1.2.1. Nội dung và vai trò của vấn đề cơ bản của triết học.

1.2.2. Các trường phái triết học khác nhau trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

1.3. Biện chứng và siêu hình

1.3.1. Sự đối lập giữa hai phương pháp tư duy: phương pháp siêu hình và phương pháp biện chứng

1.3.2. Các trường phái triết học khác nhau trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

1.4. Vai trò của triết học

1.4.1. Chức năng thế giới quan và phương pháp luận của triết học

1.4.2. Vai trò của triết học đối với tư duy lý luận, hoạt động thực tiễn và các khoa học cụ thể.

Chương 2: Khái lược lịch sử triết học Phương Đông

2.1. Triết học Ấn Độ cổ đại, trung đại

2.1.1. Điều kiện ra đời và những nét đặc thù của triết học Ấn Độ cổ, trung đại.

2.1.2. Những tư tưởng triết học cơ bản của các trường phái

2.1.3. Một số nhận định về triết học Ấn Độ cổ, trung đại

2.2.Triết học Trung Quốc cổ, trung đại

2.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Trung Quốc cổ, trung đại

2.2.2. Một số học thuyết tiêu biểu của triết học Trung quốc cổ, trung đại.

2.2.3. Một số nhận định về triết học Trung Quốc cổ, trung đại

2.3. Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.1. Điều kiện thành, phát triển và đặc điểm của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam.

2.3.2. Những nội dung cơ bản của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam

2.3.3. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng triết học của Hồ Chí Minh

Chương 3: Khái lược lịch sử triết học Phương Tây

3.1. Triết học Hy Lạp cổ, trung đại

3.1.1. Hoàn cảnh kinh tế - xã hội và nét đặc thù của triết học Hy Lạp cổ đại

3.1.2. Các nhà triết học tiêu biểu

3.2. Triết học Tây Âu thời trung cổ

3.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội và nét của triết học Tây Âu thời trung cổ

3.2.1. Các triết gia tiêu biểu

3.3. Triết học Tây Âu thời Phục Hưng và cận đại

3.3.1. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục Hưng

3.3.2. Triết học Tây Âu thời cận đại (thế kỷ XVII-XVIII)

3.4. Triết học cổ điển Đức

3.4.1. Hoàn cảnh ra đời và nét đặc thù của triết học cổ điển Đức

3.4.2. Các nhà triết học tiêu biểu

3.4.3. Một số nhận định về triết học cổ điển Đức

Chương 4: Khái lược lịch sử triết học Mác-Lênin

4.1. Điều kiện ra đời của triết học Mác

4.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

4.1.2. Nguồn gốc lý luận

4.1.3. Tiền đề khoa học tự nhiên.

4.2. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác

4.2.1. Quá trình chuyển biến tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen từ CNDT và CNDCCM sang CNDV và CNCS

4.2.2. Giai đoạn đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

4.2.3. Giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen bổ sung và phát triển lý luận triết học

4.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện, V.I. Lênin phát triển

4.3.1. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng

4.3.2. Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử

4.3.3. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

4.3.4. Thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng.

4.3.5. Xác định đúng mối quan hệ giữa triết học với các khoa học cụ thể.

4.4. V.I. Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác

4.4.1. Hoàn cảnh lịch sử

4.4.2. Nội dung cơ bản của quá trình V.I. Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác

4.5. Vận dụng và phát triển triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay

4.5.1. Những biến đổi của thời đại

4.5.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

Chương 5: Chủ nghĩa duy vật biện chứng – Cơ sở của thế giới quan khoa học

5.1. Thế giới quan, thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật

5.1.1. Thế giới quan và các hình thức của thế giới quan

5.1.2. Thế giới quan duy tâm và thế giới quan duy vật

5.1.3. Vai trò của thế giới quan

5.2. Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tính cách là cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học

5.2.1. Giải quyết đúng đắn vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm thực tiễn

5.2.2. Sự thống nhất giữa thế giới quan duy vật với phép biện chứng

5.2.3. Chủ nghĩa duy vật triệt để, quan niệm duy vật về lịch sử

5.2.4. Tính thực tiễn - cách mạng

5.3. Những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và việc vận dụng nó vào sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam hiện nay.

5.3.1. Tôn trọng khách quan

5.3.2. Phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, phát huy nhân tố con người

5.3.3. Khắc phục và ngăn ngừa bệnh chủ quan duy ý chí.

Chương 6: Phép biện chứng duy vật – Phương pháp luận của nhận thức khoa học và thực tiễn

6.1. Siêu hình và biện chứng

6.1.1. Siêu hình và biện chứng

6.1.2. Khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng

6.2. Nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

6.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật.

6.3. Phương pháp và phương pháp luận.

6.3.1. Phương pháp và phương pháp luận

6.3.2. Các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật.

Chương 7: Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin

7.1. Phạm trù thực tiễn và phạm trù lý luận

7.1.1. Phạm trù thực tiễn

7.1.2. Phạm trù lý luận

7.2. Những yêu cầu của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

7.2.1. Sự hình thành và phát triển của lý luận xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; lý luận phải được kiểm nghiệm, được bổ sung và phát triển trong thực tiễn

7.2.2. Thực tiễn phải được chỉ đạo bởi một lý luận khoa học, lý luận đề ra mục tiêu, phương hướng, biện pháp cho thực tiễn

7.3. Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

7.3.1. Lý luận phải bám sát thực tiễn, phản ánh được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn

7.3.2. Hoạt động lý luận phải lấy thực tiễn chỉ đạo

7.3.3. Khắc phục và ngăn ngừa bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều.

Chương 8: Lý luận hình thái kinh tế xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

8.1. Lý luận hình thái kinh tế - xã hội

8.1.1. Những tiền đề xuất phát để xây dựng lý luận hình thái kinh tế xã hội

8.1.2. Cấu trúc xã hội, phạm trù hình thái kinh tế - xã hội.

8.1.3. Phép biện chứng trong sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

8.1.4. Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế - xã hội.

8.2. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

8.2.1. Lựa chọn con đường đi lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN

8.2.2. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH

8.2.3. Kết hợp giữa phát triển kinh tế với chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội.

Chương 9: Lý luận về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

9.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp

9.1.1. Các quan điểm ngoài mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp

9.1.2. Quan điểm macxit về giai cấp và đấu tranh giai cấp

9.1.3. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

9.2. Quan hệ giai cấp với dân tộc và nhân loại trong thời đại ngày nay

9.2.1. Quan hệ giai cấp với dân tộc

9.2.2. Quan hệ giai cấp với nhân loại

9.3. Vận dụng quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam

9.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại

9.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc, nhân loại trong cách mạng Việt Nam hiện nay.

Chương 10: Lý luận về nhà nước và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

10.1. Những nội dung cơ bản của lý luận về Nhà nước

10.1.1. Nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của Nhà nước

10.1.2. Chức năng và vai trò kinh tế của Nhà nước

10.1.3. Các kiểu và hình thức Nhà nước trong lịch sử

10.2. Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

10.2.1. Nhà nước pháp quyền

10.2.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chương 11: Quan điểm của triết học Mác-Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay.

11.1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người

11.1.1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông

11.1.2. Quan điểm về con người trong triết học phương Tây

11.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người

11.2.1. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về bản chất con người

11.2.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về giải phóng con người

11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong sự nghiệp cách mạng

11.3.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

11.3.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

11.4. Vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay

11.4.1. Con người Việt Nam trong lịch sử

11.4.2. Cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay và những vấn đề đặt ra đối với con người Việt Nam

11.4.3. Xây dựng con người đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Bộ giáo dục và đào tạo (2022), *Giáo trình Triết học* (Dùng trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và các ngành khoa học xã hội nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb. Đại học sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Doãn Chính, *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia

[3] Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng, *Lược khảo triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia.

[4] Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII

[5] Nguyễn Hữu Vui (2002), *Lịch sử Triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phân tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- + Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- + Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- + Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Tình

9.2 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH_4TC (2,2)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Lê Thanh Hà

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC, Phó hiệu trưởng
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 26 Lạc Long Quân, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0915201177
- Email: ha201177@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh du lịch

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Hoàng Thị Huệ

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ, GVC, TBM Ngôn ngữ Anh
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Đường Thôi Hiệu – phường Đông Hương – Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 0914463007
- Email: huetienganh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ Anh, Văn học Anh

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Ngoại ngữ (English)
- Mã học phần: KTC02
- Số tín chỉ: 04
- Học kỳ thực hiện: Kỳ I
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:

Giảng lý thuyết: 48 tiết

Thảo luận, bài tập: 12 tiết

Thực hành, thực tập: 0 tiết

Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý văn hoá

3.Mục tiêu của học phần

3.1.Kiến thức

Kết thúc học phần, học viên học được các từ ngữ, thuật ngữ về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực văn hóa-xã hội, kinh tế, giáo dục, du lịch,... Đồng thời, hiểu và vận dụng

được các từ ngữ trong các bài đọc hiểu để trả lời câu hỏi dưới hình thức Nói (Speaking) ở trình độ trung cấp bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B1 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)).

3.2. Kỹ năng

Học viên cần phải có kỹ năng đọc hiểu các bài viết, bài báo, tài liệu về các lĩnh vực văn hóa-xã hội, kinh tế, giáo dục, du lịch.... ở trình độ trung cấp bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B1 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)); Nghe và nhận biết các từ chủ chốt (key words) để hiểu được nội dung chính của bài; Trả lời được các câu hỏi liên quan đến các chủ đề được học dưới hình thức NÓI (speaking) ở trình độ trung cấp bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B1 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)).

3.3.Thái độ

Học viên cần có ý thức nâng cao vốn từ vựng chuyên ngành theo các cấp độ tăng dần lên và chú trọng các khía cạnh của từ vựng cần phải học (Word forms, Collocations....) để sử dụng từ một cách hiệu quả trong các tình huống sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, học tập và làm việc.

4.Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Ngữ pháp

1.1. Thời hiện tại: hiện tại đơn giản, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn

1.2. Thời quá khứ: quá khứ đơn giản, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, quá khứ hoàn thành tiếp diễn

1.3. Thời tương lai: tương lai dự định, tương lai đơn, tương lai tiếp diễn, tương lai hoàn thành

Chương 2. Cấu trúc

2.1. Động từ khuyết thiếu: Cấu trúc diễn đạt khả năng, nghĩa vụ, sự cho phép, phỏng đoán

2.2. Dạng câu hỏi Wh- và How-question

2.3. Cấu trúc động từ: Verb

2.4. Động từ thành ngữ: Phrasalverbs

2.5. Danh động từ

2.6. Động tính từ

2.7. Động từ nguyên thể

2.8. Câu điều kiện

2.9. Thức bị động

2.10. Câu gián tiếp

2.11. Câu phức và mệnh đề phụ (chỉ thời gian, nguyên nhân, kết quả, mục đích...)

2.12. Mệnh đề quan hệ: ing và ed-clauses

2.13. Thức giả định

2.14. Cấu trúc nhấn mạnh, đảo ngữ

Chương 3. Từ vựng và ngữ âm

- 3.1. Từ loại (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quán từ, giới từ)
- 3.2. Cấu tạo từ, tiền tố và hậu tố
- 3.3. Danh từ ghép, tính từ ghép
- 3.4. Khả năng kết hợp giữa động từ và danh từ
- 3.5. Kết hợp của tính từ và danh từ
- 3.6. Từ đồng âm, đồng nghĩa và trái nghĩa
- 3.7. Từ đa nghĩa. Kỹ năng tra từ điển
- 3.8. Những nguyên tắc phát âm, biến đổi âm cơ bản, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu.

Chương 4. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

- 4.1. Nghe: Nghe hội thoại, bài nói chuyện, phỏng vấn
- 4.2. Nói: Giao tiếp thông thường hàng ngày, trình bày báo cáo, tham gia thảo luận
- 4.3. Đọc: Đọc chi tiết, đọc phân tích, đọc có ghi chép, đọc bài khóa, tóm tắt và dịch
- 4.4. Viết: Viết câu có hướng dẫn, điền từ khai, đơn, viết thư, đơn từ, miêu tả, tường thuật, bài luận ngắn.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Giáo trình Liz (2009), New headway 3, NXB Lao động

5.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Lê Huy Lâm (2007), Writing, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
[3] Trần Bá Sơn (2008), Tài liệu luyện thi viết tiếng Anh, NXB Hà Nội.
[4] Trần Mạnh Tường (2008), Bài tập trắc nghiệm viết câu tiếng Anh, NXB Đại học Sư phạm.
[5] Navaratnam M.A,V (2004), 556 new best essays & writings for all purpose, topics & levels, NXB Trẻ.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- + Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- + Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

+ Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Lê Thị Thảo

GIẢNG VIÊN SOẠN



TS. Lê Thanh Hà

9.3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VĂN HÓA_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Lê Văn Tạo

- Chức danh, học hàm, học vị: NGND, GVCC, PGS, TS
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 35/ngõ 99/ Đinh Công Hạ, Q. Hoàng Mai, HN
- Điện thoại: 097 478 1289
- Email: levantao@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa học, Nghệ thuật học

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thuý

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên cao cấp, PGS, TS
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Hiệu, P.Đông Hương, TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0914518828
- Email: thuynguyenxhhd@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử Việt Nam

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hoá (Research Methods in Culture)
- Mã học phần: CSBB03
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ I
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 30 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Cung cấp về lý thuyết chung về nghiên cứu khoa học văn hóa , nội dung cơ bản về tổ chức, phương pháp, hoạt động nghiên cứu khoa học văn hóa;
- Phương pháp thực hành NCKH và QLKH về đề tài Văn hóa;

3.2. Kỹ năng

- Kỹ năng tư duy, phát hiện vấn đề khoa học, đề tài khoa học;
- Kỹ năng lựa chọn PPNC phù hợp;
- Kỹ năng tổ chức triển khai NCKH cụ thể (lập phương án, tổ chức triển khai, quản trị giai đoạn, thực nghiệm, đánh giá, ứng dụng);

- Kỹ năng viết báo cáo khoa học;
- Kỹ năng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, semina cho đề tài;

3.3. Thái độ

Học viên hình thành thái độ nghiêm túc, trung thực và có trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học văn hóa. Đồng thời phát triển tinh thần chủ động, sáng tạo, kiên trì trong quá trình nghiên cứu và thực hiện đề tài.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Đối tượng cơ bản trong nghiên cứu khoa học văn hoá

1.1. Thể loại văn hóa vật thể (đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ, đạo quán, nhà ở, công trình dân sinh...)

- Thông tin chung nội dung đối tượng nghiên cứu: tên gọi, vị trí, niên đại
- Thông tin về tình trạng hiện tồn: Loại hình, kết cấu, chất liệu.
- Thông tin về hình thức thức ngoại diện: phong cách thẩm mỹ, hình thức chế tác;
- Thông tin chung về hình thức nội thất: phong cách thẩm mỹ, hình thức chế tác;
- Vấn đề cần nghiên cứu: giải mã nội dung, giải mã biểu tượng văn hóa, bổ sung thông tin lịch sử, đánh giá chất lượng từng mặt, giá trị lịch sử văn hóa và dự báo ích dụng, kết luận và kiến nghị.

1.2. Thể loại văn hóa phi vật thể (Tín ngưỡng, tôn giáo, trò diễn, âm nhạc, sân khấu, phim ảnh...)

- Thông tin chung nội dung đối tượng nghiên cứu: tên gọi, vị trí, niên đại
- Thông tin về tình trạng hiện tồn: Loại hình, ngôn ngữ, đặc trưng biểu hiện.
- Thông tin về hình thức thức ngôn ngữ: phong cách thẩm mỹ, hình thức ;
- Thông tin chung về hình thức kết cấu: chương, mục, nội hàm, biểu hiện, ngôn ngữ diễn đạt...
- Vấn đề cần nghiên cứu: giải mã nội dung, giải mã biểu tượng văn hóa, bổ sung thông tin lịch sử, đánh giá chất lượng từng mặt, giá trị lịch sử văn hóa và dự báo ích dụng, kết luận và kiến nghị.

Chương 2: Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu văn hoá

2.1. Phương pháp nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành

- Phân tích đối tượng đang nghiên cứu thuộc thể loại văn hóa nào?
- Nghiên cứu xem xét các mối liên hệ với ngành gần là những gì?
- Tìm kiếm những bổ sung thông tin hay bổ sung hình ảnh, biểu tượng đến đối tượng nghiên cứu từ ngành khác có hay không?
- Tìm xem những ngành khác biểu đạt cùng nội dung thì có sự khác nhau như thế nào?
- Tìm xem những khoảng trống về thông tin, biểu đạt ở đối tượng đang thiếu hay đang ẩn nhưng lại có ở lĩnh khác, ngành khác ra sao?
- Phân tích xem nhưng mối liên hệ của vấn đề biểu đạt cùng tương đồng ở ngành khác ra sao?

2.2. Phương pháp lịch đại

- Phân tích đối tượng nghiên cứu theo chiều thời gian lịch sử, hay theo các thời đại, trong cùng một không gian;
- Tìm ra sự biến đổi của các thành tố văn hóa, thành phần văn hóa theo chiều thời gian như thế nào?
- Phân tích sự biến đổi của nội dung và hình thức văn hóa theo chiều thời gian như thế nào?
- So sánh sự biến đổi của đối tượng văn hóa này với đối tượng văn hóa khác (cùng một không gian) theo chiều thời gian và tìm đặc trưng biểu hiện của nó, nguyên nhân và hậu quả?
- Phân tích theo nhóm có cùng dạng thức kết cấu hay ngôn ngữ, phong cách biểu đạt văn hóa xem nhóm nào có biến đổi theo thời gian nhiều, ít, vì sao?

2.3. Phương pháp đồng đại

- Phân tích đối tượng nghiên cứu theo chiều không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau thì sự biểu hiện khác nhau ra sao?
- Tìm ra sự biến đổi của các thành tố văn hóa, thành phần văn hóa theo không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau thì diễn ra như thế nào?
- Phân tích sự biến đổi của nội dung và hình thức văn hóa theo chiều không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau thì sự biến đổi như thế nào?
- So sánh sự biến đổi của đối tượng văn hóa theo chiều không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau và tìm đặc trưng biểu hiện của nó, nguyên nhân và hậu quả?
- Phân tích theo nhóm có cùng dạng thức kết cấu hay ngôn ngữ, phong cách biểu đạt văn hóa xem nhóm nào có biến đổi theo không gian - độ rộng về địa lý hay môi trường văn hóa khác nhau nhiều, ít, vì sao?

2.4. Phương pháp khảo sát thực địa

- Trực tiếp đối tượng nghiên cứu văn hóa để nhìn, đo, vẽ, chụp nhằm tìm kiếm tư liệu theo định hướng nghiên cứu ở một đối tượng văn hóa cụ thể.
- Trực tiếp đối tượng nghiên cứu văn hóa để ghi âm, quan sát, phỏng vấn nhằm tìm kiếm tư liệu theo định hướng nghiên cứu ở một đối tượng văn hóa cụ thể.
- Kiểm chứng thông tin thực địa với thông tin tra cứu từ tài liệu khác, giải quyết những khác biệt trong vấn đề nghiên cứu; Bổ sung tư liệu, củng cố các nhận định khoa học.

2.5. Phương pháp giải mã biểu tượng

- Phân tích đặc trưng ngôn ngữ biểu đạt của văn hóa vật thể và phi vật thể.
- Phân tích đặc trưng biểu tượng văn hóa Việt Nam
- Mối quan hệ của các loại ngôn ngữ văn hóa truyền thống Việt Nam (chữ viết, hình vẽ, âm thanh, đồ thức kiến trúc...)
- Hình thức biểu đạt của biểu tượng văn hóa và nội hàm biểu đạt của biểu tượng văn hóa như thế nào ở mỗi loại hình văn hóa.

2.6. Phương pháp văn hóa học

- Chú trọng đến các yếu tố môi trường văn hóa (lịch sử, địa lý, dân tộc)

- Chú trọng đến đặc tính biểu hiện của văn hóa (lan truyền, khuếch tán, bình đẳng, thẩm thấu tự nhiên...)
- Chú trọng đến đặc điểm hóa thạch văn hóa, chồng lớp văn hóa, tương tác văn hóa, biến đổi văn hóa (nguyên trạng biểu hình một văn hóa của một thời đại đã qua/ chồng lấn văn hóa các thời kỳ với nhau theo khảo cổ văn hóa, sự giao thoa văn hóa, tiếp xúc văn hóa, phức hợp văn hóa...)

2.7. Phương pháp nghệ thuật học

- Phương pháp nghệ thuật học sử dụng đối với đối tượng nghiên cứu là một sản phẩm văn hóa thuộc một thể loại nghệ thuật cụ thể: Mỹ thuật/ Kiến trúc/ Âm nhạc/ Sân khấu, điện ảnh...)
- Chú trọng đến phong cách biểu đạt của đối tượng thông qua ngôn ngữ nghệ thuật cụ thể.
- Tính sáng tạo, tính mới trong hình thức biểu đạt là gì.
- Tính mới trong nội dung biểu đạt là gì?
- Phân tích đối tượng nghệ thuật theo chiều thời gian và không gian để so sánh nhận định các giá trị.
- Phân tích đối tượng nghệ thuật theo bối cảnh lịch sử, kinh tế, dân tộc và thời đại để nhận định các giá trị.

Chương 3: Thực hành triển khai một đề tài nghiên cứu văn hoá

3.1. Kế hoạch thực hiện đề tài

- 3.1.1. Xác định đề tài và mục đích nghiên cứu
- 3.1.2. Đặt tên đề tài
- 3.1.3. Lập mục lục tài liệu tham khảo;.
- 3.1.4. Hình thành đề cương, bố cục
- 3.1.6. Lập kế hoạch khảo sát thực địa
- 3.1.7. Lập kế hoạch tài chính, nhân sự, thời gian

3.2. Triển khai nghiên cứu

- 3.2.1. Thu thập tư liệu khoa học
- 3.2.2. Khảo sát bổ sung tư liệu khoa học
- 3.2.3. Trao đổi khoa học, củng cố luận thuyết khoa học
- 3.2.4. Xây dựng khung sản phẩm khoa học và hoàn thiện từng phần của sản phẩm khoa học.
- 3.2.5. Thực nghiệm, ứng dụng, triển khai (nếu có)
- 3.2.6. Tọa đàm nhóm, chuyên gia hoàn thiện kết quả nghiên cứu.
- 3.2.7. Viết báo cáo khoa học
- 3.2.8. Công bố khoa học hay triển khai ứng dụng khoa học theo Luật chuyển giao khoa học công nghệ số 07/2017/QH14 năm 2014

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Barker, Chris (2011), *Nghiên cứu văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin

[3] Nguyễn Khắc Xương (2016), *Tổng tập nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian*, Q.1, NXB Hội nhà văn

[4] Nguyễn Khắc Xương (2016), *Tổng tập nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian*, Q.2, NXB Hội nhà văn

[5] Nguyễn Khắc Xương (2016), *Tổng tập nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian*, Q.3, NXB Hội nhà văn

[6] Kristin G, Leslie (2016), *Văn hóa học những phương pháp nghiên cứu*, NXB Thế giới

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa

TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn

TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn

PGS.TS Lê Văn Tạo

9.4 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIAO LƯU TIẾP BIẾN VĂN HÓA TRONG LỊCH SỬ_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Đường Chi Lăng – Thành Mai – Quảng Thành – Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 0974.781289
- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ, văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Tạ Thị Thủy

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0902149586
- Email: tathithuy.vhh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa học

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Giao lưu và tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam (Exchange and acculturation in Vietnamese cultural history)
- Mã học phần: CSBB04
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 9 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Học viên nắm vững những kiến thức về các điều kiện hình thành cơ tầng văn hóa Việt Nam và những đặc điểm, kết quả trong giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lịch sử: Giao lưu, tiếp biến văn hóa với khu vực

Đông Nam Á; Giao lưu, tiếp biến văn hóa với văn hóa Trung Hoa; Giao lưu, tiếp xúc văn hóa với văn hóa Ấn Độ; Giao lưu, tiếp xúc văn hóa với văn hóa Phương Tây; diễn trình hội nhập văn hóa thế giới trong thế kỷ XXI.

3.2. Kỹ năng

Hình thành các thao tác, kỹ năng tư duy về văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hợp tác quốc tế; Định dạng vị thế và giá trị văn hóa Việt Nam, quảng bá văn hóa Việt Nam một cách hiệu quả; Sử dụng vốn kiến thức văn hóa quốc tế cho nghiệp quản lý, giáo dục, ngoại giao, du lịch, kinh tế.

3.3. Thái độ

Học viên có thái độ nghiêm túc, trung thực và khách quan trong nghiên cứu về giao lưu và tiếp biến văn hóa. Phát triển tinh thần trân trọng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, đồng thời có thái độ cởi mở, tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Giao lưu và tiếp biến – Quy luật vận động và phát triển của văn hoá

1. Khái niệm giao lưu và tiếp biến và ý nghĩa

1.1.1. Khái niệm giao lưu, tiếp biến

1.1.2. Ý nghĩa giao lưu, tiếp biến

1.2. Tính tất yếu, khách quan của sự giao lưu và tiếp biến

1.2.1. Giao lưu và tiếp biến là quy luật phổ biến, khách quan

1.2.2. Cơ sở tạo nên tính tất yếu khách quan

1.3. Các tính chất của sự giao lưu và tiếp biến

1.3.1. Giao lưu và tiếp biến tự nguyện

1.3.2. Giao lưu và tiếp biến cưỡng bức

1.3.3. Giao lưu và tiếp biến vừa cưỡng bức, vừa tự nguyện

1.3.4. Giao lưu và tiếp biến theo mức độ tiếp nhận

1.4. Vai trò của yếu tố nội sinh và ngoại sinh trong giao lưu và tiếp biến văn hóa

1.4.1. Vai trò của yếu tố nội sinh trong giao lưu và tiếp biến văn hóa

1.4.2. Vai trò của yếu tố ngoại sinh trong giao lưu và tiếp biến văn hóa

Chương 2: Giao lưu và tiếp biến văn hoá Việt Nam với Đông Nam Á

2.1. Khái quát về khu vực văn hóa Đông Nam Á

2.1.1. Quá trình nhận biết khu vực Đông Nam Á

2.1.2. Đặc điểm tự nhiên – xã hội

2.1.3. Khu vực văn hóa Đông Nam Á

2.2. Đặc điểm chung văn hóa Đông Nam Á

2.2.1. Khu vực thống nhất về địa lý, lịch sử

2.2.2. Nền nông nghiệp lúa nước điển hình

2.2.3. Nền văn hóa thống nhất trong đa dạng

2.2.4. Nền văn hóa có tính chất mở, sáng tạo

Chương 3: Giao lưu và tiếp biến văn hoá Việt Nam với Trung Hoa và Ấn Độ

3.1. GIAO LƯU VÀ TIẾP BIẾN VĂN HÓA VIỆT NAM VỚI TRUNG HOA

3.1.1. Khái quát chung văn hóa Trung Hoa

3.1.2. Cơ sở của giao lưu và tiếp biến với Trung Hoa

3.1.2.1. Trung Hoa ảnh hưởng đến Đông Nam Á

3.1.2.2. Quá trình xâm lược và đô hộ của Trung Hoa với Việt Nam

3.1.3. Các dạng thức biểu hiện

3.1.3.1. Giao lưu và tiếp biến văn hóa cưỡng bức

3.1.3.2. Giao lưu và tiếp biến văn hóa tự nguyện

3.1.4. Các kết quả của giao lưu và tiếp biến văn hóa

3.1.4.1. Nho giáo

3.1.4.2. Chữ viết

3.1.4.3. Chế độ khoa cử

3.1.4.4. Mô hình chính trị

3.1.5. Ưu điểm và hạn chế

3.1.5.1. Ưu điểm

3.1.5.2. Hạn chế

3.2. GIAO LƯU VÀ TIẾP BIẾN VĂN HÓA VIỆT NAM VỚI ẤN ĐỘ

3.2.1. Khái quát chung về văn hóa Ấn Độ

3.1.2. Cơ sở của giao lưu và tiếp biến với văn hóa Ấn Độ

3.1.2.1. Giao thương buôn bán Ấn Độ với Đông Nam Á

3.1.2.2. Quá trình truyền bá tôn giáo tới Việt Nam

3.2.3. Các kết quả của giao lưu và tiếp biến văn hóa

3.2.3.1. Văn hóa Chăm-pa

3.2.3.2. Văn hóa Đại Việt

3.2.3.3. Văn hóa Óc Eo

3.2.4. Ưu điểm và hạn chế

3.2.4.1. Ưu điểm

3.2.4.2. Hạn chế

Chương 4: Giao lưu và tiếp biến văn hoá Việt Nam với phương Tây

4.1. Điều kiện lịch sử

4.1.1. Tình hình trước khi Pháp xâm lược nước ta

4.1.2. Điều kiện giao lưu, tiếp biến sau khi người Pháp thống trị nước ta.

4.2. Các kết quả của sự giao lưu và tiếp biến văn hóa

4.2.1. Hệ tư tưởng

4.2.2. Nền giáo dục

4.2.3. Chữ quốc ngữ

4.2.4. Văn học và các loại hình nghệ thuật

4.2.5. Báo chí, nhà xuất bản

Chương 5: Giao lưu và tiếp biến văn hoá Việt Nam với các nước trong thời đại hiện nay

5.1. Điều kiện của sự giao lưu và tiếp biến văn hóa

5.1.1. Xu thế toàn cầu hóa

5.1.2. Sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế

5.2. Các kết quả của sự giao lưu và tiếp biến văn hóa

5.2.1. Giai đoạn trước đổi mới 1986

5.2.2. Giai đoạn từ 1986 đến nay

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ngô Đức Thịnh (2006), *Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập*, NXB Thế giới

[3] Vương Kiến Huy (2004), *Tinh hoa tri thức văn hoá Trung Quốc*, NXB Thế giới

[4] Trompenaars, Fons (2009), *Chinh phục các đợt sóng văn hoá*, NXB Tri thức

[5] Thành Duy (2007), *Văn hoá Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá - thời cơ và thách thức*, NXB Văn hoá Thông tin ; Viện Văn hóa

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Nguyễn Văn Dũng

9.5 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA, VĂN MINH VÀ SỰ TIẾN BỘ XÃ HỘI_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Trần Văn Thức

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Biệt thự BT10, Khu Đô thị mới Quảng Thắng, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912054507
- Email: thuctrandhv@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử, văn hóa Việt Nam

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Thị Thảo

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 110 Tây Ga, phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0933868919
- Email: lethaocvh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử, văn hóa Việt Nam

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Văn hoá, văn minh và sự tiến bộ xã hội (Cultrure, civilization and social progress)
- Mã học phần: CSBB05
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ I
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 9 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Hiểu và trình bày được được cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh thế giới cổ trung đại (Văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Arập, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, Hy Lạp, La Mã, Văn minh Tây Âu thời kỳ trung đại); điều kiện ra đời và

những thành tựu, những quy tắc hoạt động... của nền văn minh công nghiệp, Văn minh Thế giới thế kỷ XX.

- Hiểu và lý giải được đặc trưng, tính chất của các nền văn minh.
- Đánh giá được giá trị và những đóng góp của các nền văn minh đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại

3.2. Kỹ năng

- Biết cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Biết cách sưu tầm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Có kỹ năng phân tích, khái quát, vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.

3.3. Thái độ

- Học viên biết quý trọng và gìn giữ những di sản của văn minh nhân loại
- Học viên biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Văn minh Bắc Phi và Tây Á

1.1. Văn minh Ai Cập cổ đại.

- 1.1.1. Tổng quan về Ai Cập cổ đại
- 1.1.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Ai Cập cổ đại
- 1.1.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Ai Cập cổ đại

1.2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

- 1.2.1 Tổng quan về Lưỡng Hà cổ đại
- 1.2.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Lưỡng Hà cổ đại.
- 1.2.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Lưỡng Hà cổ đại

1.3. Văn minh Arập.

- 1.3.1. Sơ lược về lịch sử Arập
- 1.3.2. Đạo Hồi
- 1.3.3. Văn học, nghệ thuật, khoa học, giáo dục.
- 1.3.4. Những đóng góp của nền văn minh Arập

Chương 2: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại

2.1. Tổng quan về Ấn Độ cổ trung đại

- 2.1.1. Địa lý và cư dân
- 2.1.2. Sơ lược lịch sử cổ trung đại Ấn Độ

2.2. Những thành tựu chính của văn minh Ấn Độ

- 2.2.1. Chữ viết
- 2.2.2. Văn học
- 2.2.3. Nghệ thuật
- 2.2.4. Khoa học tự nhiên
- 2.2.5. Tôn giáo

2.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh ấn Độ cổ đại

Chương 3: Văn minh Trung Quốc

3.1. Tổng quan về Trung Quốc cổ trung đại

3.1.1. Địa lý và cư dân

3.1.2. Sơ lược lịch sử Trung Quốc cổ trung đại

3.2. Những thành tựu chính của văn minh Trung Quốc

3.2.1. Chữ viết

3.2.2. Văn học

3.2.3. Sử học

3.2.4. Khoa học tự nhiên

3.2.5. Bốn phát minh lớn về kỹ thuật

3.2.6. Tư tưởng và tôn giáo

3.2.7. Giáo dục

3.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Trung Quốc cổ đại

Chương 4: Văn minh khu vực Đông Nam Á

4.1. Cơ sở hình thành văn minh khu vực Đông Nam Á

4.1.1. Điều kiện tự nhiên

4.1.2. Cơ sở hình thành nền văn minh khu vực Đông Nam Á

4.2. Một số thành tựu văn hóa

4.2.1. Tín ngưỡng

4.2.2. Lễ hội

4.2.3. Chữ viết

4.2.4. Văn học

4.2.5. Nghệ thuật

4.3. Đặc điểm và những đóng góp của nền văn minh Đông Nam Á

Chương 5: Văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại

5.1. Tổng quan về Hy Lạp và La Mã cổ đại

5.1.1. Địa lý, cư dân và sơ lược lịch sử Hy Lạp cổ đại

5.1.1. Địa lý, cư dân và sơ lược lịch sử La Mã cổ đại

5.2. Những thành tựu chủ yếu của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại

5.2.1. Văn học

5.2.2. Sử học

5.2.3. Nghệ thuật

5.2.4. Khoa học tự nhiên

5.2.5. Triết học

5.2.6. Luật pháp

5.2.7. Sự ra đời và phát triển của đạo Ki-tô

5.3. Đặc điểm và những đóng góp của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại

Chương 6: Văn minh Tây Âu thời trung đại

6.1. Hoàn cảnh lịch sử

6.1.1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu

6.1.2. Sự hình thành và phát triển của chế độ phong kiến

6.1.3. Vai trò và thế lực của giáo hội La Mã

6.2. Văn hoá Tây Âu từ thế kỉ V đến thế kỉ X

6.2.1. Tình hình chung về văn hóa, giáo dục và tư tưởng

6.2.2. Văn hóa phục hưng thời Carôlanhgiêng

6.3. Văn hóa Tây Âu từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ IV

6.3.1. Sự thành lập các trường đại học

6.3.2. Triết học kinh viện

6.3.3. Văn học

6.3.4. Nghệ thuật kiến trúc

6.4. Văn hoá Tây Âu thời Phục hưng

6.4.1. Điều kiện lịch sử

6.4.2. Những thành tựu chính

6.4.3. Nội dung tư tưởng và ý nghĩa

6.5. Sự tiến bộ về kĩ thuật

6.5.1. Cải tiến guồng nước

6.5.2. Cải tiến kỹ thuật trong ngành dệt

6.5.3. Những tiến bộ trong ngành khai mỏ và luyện kim

6.5.4. Những tiến bộ về kỹ thuật quân sự

6.6. Sự ra đời của đạo Tin lành

6.6.1. Vài nét về giáo hội Thiên chúa trước cải cách tôn giáo

6.6.2. Các phong trào cải cách tôn giáo và sự ra đời của đạo Tin Lành

6.7. Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh phương Đông và phương Tây

6.7.1. Thời cổ đại

6.7.2. Thời trung đại

Chương 7: Sự xuất hiện văn minh công nghiệp

7.1. Điều kiện ra đời của văn minh công nghiệp

7.1.1. Những kết quả của cuộc phát kiến địa lý (thế kỷ XV)

7.1.2. Thắng lợi của phong trào cách mạng tư sản (thế kỷ XVI – XVIII)

7.1.3. Những thành tựu trong cải tiến kỹ thuật ngành dệt ở Anh

7.2. Cuộc cách mạng công nghiệp

7.2.1. Bước khởi đầu của cách mạng công nghiệp (giữa thế kỷ XVIII – giữa thế kỷ XIX)

7.2.2. Những quy tắc cơ bản của nền sản xuất công nghiệp

7.2.3. Hệ quả xã hội của sự ra đời văn minh công nghiệp

7.3. Phát minh khoa học – kĩ thuật và những học thuyết chính trị thời cận đại

7.3.1. Những thành tựu khoa học và trào lưu Triết học khai sáng thế kỷ XVIII

7.3.2. Những phát minh khoa học và tiến bộ kỹ thuật thế kỷ XIX

7.3.3. Những học thuyết xã hội

7.4. Thành tựu văn học và nghệ thuật

Chương 8: Văn minh thế giới thế kỉ XX

8.1. Văn minh thế giới nửa đầu thế kỉ XX

8.1.1. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa

8.1.2. Tiến bộ của khoa học kỹ thuật

8.2. Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại

8.2.1. Những cuộc chiến tranh lớn trên thế giới

8.2.2. Những hậu quả của chiến tranh thế giới

8.3. Văn minh thế giới nửa sau thế kỉ XX

8.3.1. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật

8.3.2. Những thành tựu khoa học – công nghệ

8.3.3. Công cuộc chinh phục vũ trụ

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Thanh Lan (2016), *Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa – nghệ thuật*, NXB Lao động

[3] Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Tấn Thịnh (2012), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Nguyễn Tiệp (2005), *Giáo trình nguồn nhân lực*, Nxb Lao động Xã hội

[5] Bùi Văn Nhơn (chủ biên), Nguyễn Trịnh Kiểm, Đinh Thị Minh Tuyết (2011), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực xã hội*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



PGS. TS Trần Văn Thức

9.6 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Phường An Hoạch, TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0913 091 136
- Email: nguyenhongsp123@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Tâm lý lứa tuổi, Tâm lý quản lý

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Lã Thị Tuyên

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Phường An Hoạch, TP Thanh Hóa
- Điện thoại: 0919604898
- Email: lathituyen@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Giáo dục học, Tâm lý quản lý

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Tâm lý học quản lý (Psychology of Management)
- Mã học phần: CSBB06
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ I
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 6 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những tri thức cơ bản về đặc điểm tâm lý của người cán bộ quản lý (phẩm chất, năng lực, uy tín....) và đặc điểm tâm lý của người lao động (tính cách, động cơ, hứng thú, tình cảm, xúc cảm, tâm trạng...)

- Nắm vững những tác động tâm lý đối với con người nói chung và người lao động nói riêng, tới các nhóm xã hội khác nhau.
- Nắm vững các yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ, sự cần thiết xây dựng nhân cách của người cán bộ quản lý trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Kỹ năng

- Xác định kiểu nhân cách của người quản lý và người lao động, tác động đến người lao động đạt hiệu quả cao, nâng cao năng suất lao động
- Có kỹ năng trong việc tuyển dụng, lựa chọn, sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.

3.3. Thái độ

Có ý thức rèn luyện những phẩm chất và năng lực cần thiết của người quản lý và người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc

4. Nội dung chi tiết học phần

BÀI 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ

1.1. Khái niệm chung

- 1.1.1. Định nghĩa tâm lý học quản lý
- 1.1.2. Bản chất của tâm lý học quản lý
- 1.1.3. Khái quát về tâm lý học quản lý

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu

- 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu
- 1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu
- 1.2.3. Các phương pháp nghiên cứu

1.3. Lịch sử phát triển của tâm lý học quản lý

- 1.3.1. Những tiền đề để hình thành Tâm lý học quản lý
- 1.3.2. Taylor và thuyết quản lý theo khoa học
- 1.3.3. Sự phát triển tâm lý học quản lý ở Việt Nam

BÀI 2: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LÃNH ĐẠO

2.1. Khái niệm quản lý và lãnh đạo

- 2.1.1. Khái niệm quản lý
- 2.1.2. Khái niệm lãnh đạo
- 2.1.3. Sự khác biệt giữa người quản lý và người lãnh đạo

2.2. Những đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo

- 2.2.1. Những phẩm chất cơ bản của người lãnh đạo
- 2.2.2. Những năng lực cơ bản của người lãnh đạo

2.3. Phong cách lãnh đạo.

- 2.3.1. Khái niệm phong cách lãnh đạo
- 2.3.2. Các kiểu phong cách lãnh đạo cơ bản

BÀI 3: QUYỀN LỰC VÀ UY TÍN TRONG LÃNH ĐẠO

3.1. Quyền lực trong lãnh đạo

- 3.1.1. Khái niệm quyền lực
- 3.1.2. Ý thức về quyền lực
- 3.1.3. Các hình thức cơ bản của quyền lực
- 3.1.4. Sự suy đồi của quyền lực

3.2. Uy tín trong lãnh đạo

- 3.2.1. Khái niệm uy tín
- 3.2.2. Phân loại uy tín
- 3.2.3. Các yếu tố tạo nên uy tín của người lãnh đạo

BÀI 4: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

4.1. Nhu cầu

- 4.1.1. Khái niệm nhu cầu
- 4.1.2. Các mức độ của nhu cầu
- 4.1.3. Các quy luật cơ bản của nhu cầu

4.2. Động cơ làm việc

- 4.2.1. Khái niệm động cơ làm việc
- 4.2.2. Các học thuyết về động cơ làm việc
- 4.2.3. Người lãnh đạo và động cơ làm việc của người lao động

4.3. Khí chất.

- 4.3.1. Khái niệm khí chất
- 4.3.2. Các loại khí chất cơ bản
- 4.3.3. Người lãnh đạo và việc sử dụng các loại khí chất của người lao động trong hoạt động quản lý

4.4. Tính cách

- 4.4.1. Khái niệm tính cách
- 4.4.2. Một số nét tính cách cơ bản và biểu hiện của tính cách trong cuộc sống
- 4.4.3. Ảnh hưởng của tính cách đến hoạt động thực tiễn của con người

4.5. Năng lực

- 4.5.1. Khái niệm năng lực
- 4.5.2. Sự hình thành và phát triển của năng lực

4.6. Xúc cảm và tâm trạng

- 4.6.1. Khái niệm xúc cảm, tâm trạng
- 4.6.2. Ảnh hưởng của xúc cảm, tâm trạng đến người lao động

BÀI 5: NHỮNG VẤN ĐỀ TÂM LÝ TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ

5.1. Khái niệm

- 5.1.1. Khái niệm tổ chức
- 5.1.2. Khái niệm công tác tổ chức cán bộ.

5.2. Những đặc điểm về cấu trúc của tổ chức

- 5.2.1. Mục tiêu của tổ chức
- 5.2.2. Tương quan nhân sự trong tổ chức
- 5.2.3. Bản sắc của tổ chức

5.3. Những vấn đề tâm lý trong công tác tổ chức cán bộ

5.3.1. Những vấn đề tâm lý trong công tác tổ chức

5.3.2. Những vấn đề tâm lý trong công tác cán bộ

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Tâm lý học quản lý* (Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đình Chính- Phạm Ngọc Uyển (1998), *Tâm lý học quản lý*, Nxb. Giáo dục.

[3] Vũ Dũng (2006), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Nxb. Đại học sư phạm.

[4] Nguyễn Bá Dương (2023), *Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo*, Nxb Chính trị Quốc gia.

[5] Ngô Công Hoàn (1997), *Tâm lý học xã hội trong quản lý*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



Trưởng bộ môn



Người biên soạn



TS. Lê Thị Thảo

TS. Lê Thị Thảo

TS Nguyễn Thị Hồng

9.7 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA DU LỊCH_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Trúc Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: TT. Tân Phong, huyện Quảng Xương
- Điện thoại: 0918.458.589
- Email: nguyentuynhddl@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa du lịch

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Vũ Văn Tuyên

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Quảng Thắng, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0916.103.262
- Email: tuyenvanhua@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa du lịch

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Văn hoá và du lịch (Culture and Tourism)
- Mã học phần: CSTC07
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 6 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Cung cấp những kiến thức về văn hóa và du lịch. Vai trò và chức năng cũng như mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch.
- Kiến thức để nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa trong hoạt động du lịch ở Việt Nam.
- Kiến thức trong việc khai thác và quản lý văn hóa trong hoạt động và phát triển du lịch.

3.2. Kỹ năng

- Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học
- Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu
- Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống.
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm.

3.3. Thái độ

Có thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ tốt, định hướng rõ hơn chuyên môn nghiệp vụ cho bản thân, từ đó có định hướng học tập, rèn luyện rõ ràng

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VĂN HÓA VÀ DU LỊCH

1.1. Các khái niệm cơ bản

- 1.1.1. Khái niệm văn hóa
- 1.1.2. Khái niệm Du lịch
- 1.1.3. Khái niệm Du lịch văn hóa
- 1.1.4. Khái niệm Văn hóa du lịch

1.2. Cơ sở hình thành văn hóa du lịch

- 1.2.1. Cơ sở lý thuyết
- 1.2.2. cơ sở thực tiễn
- 1.2.3. Cơ sở pháp lý

1.3. Môi quan hệ giữa văn hóa và du lịch

- 1.3.1. Văn hóa là một trong những cơ sở phát triển du lịch
- 1.3.2. Phát triển du lịch bền vững góp phần bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Chương 2: VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM

2.1. Văn hóa trong kinh doanh du lịch

- 2.1.1. Văn hóa trong kinh doanh vận chuyển khách du lịch
- 2.1.2. Văn hóa trong kinh doanh du lịch
- 2.1.3. Văn hóa giao tiếp ứng xử trong hoạt động du lịch
- 2.1.4. Văn hóa trong kinh doanh dịch vụ bổ sung trong du lịch

2.2. Văn hóa trong phát triển du lịch

- 2.2.1. Văn hóa trong quá trình xây dựng sản phẩm du lịch
- 2.2.2. Văn hóa trong quy hoạch, đầu tư, xây dựng điểm – tuyến du lịch.
- 2.2.3. Văn hóa trong hợp tác trong nước và quốc tế về du lịch
- 2.2.4. Văn hóa trong xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam
- 2.2.5. Di sản văn hóa trong phát triển du lịch.

2.3. Văn hóa trong quản lý du lịch

- 2.3.1. Văn hóa trong quản lý
- 2.3.2. Văn hóa trong quản lý du lịch

Chương 3: NHẬN DIỆN VÀ KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa trong phát triển du lịch

3.1.1. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa vật thể.

3.1.2. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể.

3.2. Bảo vệ văn hóa trong phát triển du lịch

3.2.1. Những yêu cầu chung trong bảo vệ văn hóa trong phát triển DL.

3.2.2. Nguyên tắc và phương thức bảo vệ văn hóa trong phát triển DL.

3.2.3. Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch gắn với bảo vệ văn hóa.

3.2.4. Bảo vệ sự đa dạng văn hóa

3.2.5. Bảo vệ văn hóa du lịch trong hội nhập và phát triển.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Văn hóa và du lịch* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thị Tuyết Mai (2013), *Du lịch lễ hội Việt Nam*, Trường đại học Văn hoá Hà Nội

[3] Lê Hồng Lý (2010), *Giáo trình quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh

9.8 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NÔNG THÔN VÀ ĐÔ THỊ TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Vũ Văn Tuyền

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Quảng Thắng, Thành phố Thanh Hóa

- Điện thoại: 0916.103.262
- Email: tuyenvanhua@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa du lịch

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Trúc Quỳnh

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: TT. Tân Phong, huyện Quảng Xương
- Điện thoại: 0918.458.589
- Email: nguyentuynhhd@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa du lịch

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Nông thôn và đô thị trong văn hoá Việt Nam (Rural and Urban Areas in Vietnamese Culture)
- Mã học phần: CSTC08
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 6 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu về về văn hóa nông thôn, cơ sở hình thành và tồn tại của văn hóa nông thôn, các thành tố của văn hóa nông thôn; vị trí của văn hóa nông thôn trong nền cảnh văn hóa tộc người Việt và văn hóa Việt Nam,; những vấn đề cấp bách của nông thôn hiện nay; góp phần nâng cao nhận thức về vị trí của vấn đề nông thôn, nông dân và nông nghiệp và giải quyết vấn đề đó trong điều kiện đất nước hiện nay.
- Những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành đô thị nói chung; quá trình hình thành đô thị ở Việt Nam nói riêng; đặc điểm của các đô thị theo vùng lãnh thổ ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

3.2. Kỹ năng

- Trang bị cho học viên một số kỹ năng điều tra cơ bản (điều tra hồi cố, thẩm vấn, xử lý tư liệu...) về các khía cạnh của làng xã để thu thập, tổng hợp và phân tích tư liệu, hình

thành các luận điểm khoa học trong quá trình làm luận văn về đề tài làng xã, nông thôn và văn hóa nông thôn; cũng như sau khi tốt nghiệp cao học có thể tiếp tục hướng nghiên cứu về làng xã, nông thôn. Tăng cường khả năng thuyết trình.

- Trang bị cho học viên một số phương pháp nghiên cứu về Đô thị dưới các góc độ: Sử học, Dân tộc học, Nhân học.

3.3. Thái độ

Hiểu biết giá trị của văn hóa nông thôn Việt Nam, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NÔNG THÔN VÀ ĐÔ THỊ

1.1. Các khái niệm

1.2. Những vấn đề chung về văn hóa nông thôn

1.3. Những vấn đề chung về đô thị thế giới và Việt Nam

CHƯƠNG 2: NÔNG THÔN TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

2.1. Các cơ sở hình thành và tồn tại của văn hóa nông thôn

2.1.1. Cơ sở kinh tế

2.1.2. Cơ sở chính trị - xã hội

2.1.3. Cơ sở tư tưởng và tôn giáo

2.2. Các thiết chế tổ chức văn hóa nông thôn

2.2.1. Xóm, ngõ

2.2.2. Dòng họ

2.2.3. Phe giáp

2.2.4. Hội đồng kỳ mục

2.2.5. Bộ máy chức dịch

2.2.6. Các phường hội

2.3. Các thành tố của văn hóa nông thôn

2.2.1. Các yếu tố văn hóa vật chất

2.2.2. Các yếu tố văn hóa tinh thần

2.3. Văn hóa nông thôn và sự nghiệp CNH, HĐH

CHƯƠNG 3: ĐÔ THỊ TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

3.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến đô thị Việt Nam

3.2. Đô thị vùng châu thổ Bắc Bộ

3.3. Đô thị vùng miền núi phía Bắc

3.4. Đô thị vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

3.5. Đô thị vùng Nam Bộ

3.6. Văn hóa đô thị và biến đổi văn hóa do tác động của CNH, HĐH ở Việt Nam

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Nông thôn và đô thị Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Hồ Đức Thọ (1999), *Lệ làng Việt Nam*, NXB Hà Nội
2. Nhất Thanh (2005), *Phong tục làng xóm Việt Nam*, NXB Phương Đông
3. Nguyễn Xuân Nhân (2012), *Vài nét về văn hoá Làng*, NXB Văn hóa dân tộc
4. Ngô Thị Kim Doan (2004), *Văn hoá làng xã Việt Nam*, NXB Văn hoá Thông tin. Công ty văn hoá Bảo Thắng
5. Phan Đại Doãn (2010), *Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội*, NXB Chính trị Quốc gia

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Vũ Văn Tuyền

9.9 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA TÔN GIÁO VIỆT NAM_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Hà Đình Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 36, Mạc Thị Bưởi, P. Bắc Sơn, Tp Sầm Sơn, Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912501982
- Email: hadinhung.vhh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa học

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Hoàng Bá Tường

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Lê Hồng Phong, P. Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912314177
- Email: hoangtuongbtgth@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lễ hội truyền thống; Văn hóa dân gian, Thiết chế Văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Văn hoá tôn giáo Việt Nam (Religious Culture Vietnam)
- Mã học phần: CSTC09
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Giúp người học nhận thức các vấn đề liên quan đến tâm linh, triết học, tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa truyền thống thông qua các loại hình tín ngưỡng-tôn giáo ở Việt Nam.

- Người học nhận thức được vai trò, vị trí và những ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hóa- tâm linh, trong đời sống xã hội hàng ngày.

3.2. Kỹ năng

- Hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo cho người học, cụ thể: biết khai thác tư liệu, phân tích, tổng hợp để hiểu bản chất và các biểu hiện vô cùng sinh động, phong phú của tín ngưỡng, tôn giáo.

- Biết vận dụng các kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo để giải thích các hiện tượng xã hội, các sinh hoạt văn hóa có liên quan.

- Người học có khả năng sử dụng kiến thức về tín ngưỡng tôn giáo để trong vận dụng trong đời sống thực tiễn cũng như trong các hoạt động chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

- Người học có khả năng ứng dụng kiến thức học phần để vận dụng vào việc nghiên cứu, quản lý những vấn đề văn hoá, quản lí văn hóa.

3.3. Thái độ

- Học phân tạo hứng thú và say mê cho người học trong việc nghiên cứu kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo.

- Hình thành thái độ khách quan, khoa học khi nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: PHẬT GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

1.1. Phật giáo- lịch sử ra đời và phát triển

1.1.1. Những tiền đề cơ bản

1.1.2. Giáo lý của Đạo Phật

1.1.3. Tổ chức giáo hội

1.2. Phật giáo du nhập vào Việt Nam

1.2.1. Vấn đề truyền giáo

1.2.2. Một số đặc điểm của Phật giáo ở Việt Nam

1.3. Phật giáo với văn hóa Việt Nam

1.3.1. Ảnh hưởng của Phật giáo về mặt tư tưởng triết học và đạo lý

1.3.2. Ảnh hưởng của Phật giáo qua quá trình hội nhập văn hóa Việt Nam

1.3.3. Ảnh hưởng của Phật giáo qua góc độ nhân văn và xã hội

1.3.4. Ảnh hưởng của Phật giáo qua các loại hình nghệ thuật

Chương 2: CƠ ĐỐC GIÁO VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

2.1. Cơ đốc giáo- lịch sử hình thành và phát triển

2.1.1. Những tiền đề cơ bản

2.1.2. Quá trình phát triển của đạo Cơ đốc

2.1.3. Giáo lý, luật lệ, lễ nghi

2.2. Đạo Công giáo du nhập vào Việt Nam

2.2.1. Giai đoạn từ 1533 đến 1658

2.2.2. Giai đoạn từ 1658 trở đi

2.2.3. Một số đặc điểm của đạo Công giáo ở Việt Nam

2.3. Đạo Công giáo với văn hóa Việt Nam

2.3.1. Một số quan điểm

2.3.2. Đạo Công giáo với văn hóa Việt Nam

Chương 3: NHO GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

3.1. Sơ lược về Nho giáo

3.1.1. Sự hình thành Nho giáo

3.1.2. Nội dung cơ bản của Nho giáo

3.1.3. Quá trình phát triển Nho giáo

3.2. Nho giáo du nhập vào Việt Nam

3.2.1. Thời Bắc thuộc

3.2.2. Thời quân chủ phong kiến

3.2.3. Một số đặc trưng cơ bản của Nho giáo Việt Nam

3.3. Nho giáo với văn hóa Việt Nam

3.3.1. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương diện tư tưởng

3.3.2. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương diện đời sống xã hội

3.3.3. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương diện đạo đức, lối sống

3.3.4. Ảnh hưởng của Nho giáo trên phương tín ngưỡng

Chương 4: ĐẠO GIÁO VỚI VĂN HÓA VIỆT NAM

4.1. Sơ lược về Đạo giáo

4.1.1. Sự hình thành Đạo giáo

4.1.2. Nội dung cơ bản của Đạo giáo

4.1.3. Quá trình phát triển Đạo giáo

4.2. Đạo giáo du nhập vào Việt Nam

4.2.1. Thời Bắc thuộc

4.2.2. Thời quân chủ phong kiến

4.2.3. Một số đặc trưng cơ bản của Đạo giáo Việt Nam

4.3. Đạo giáo với văn hóa Việt Nam

4.3.1. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi chính trị

4.3.2. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi tư tưởng, văn học

4.3.3. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi ứng xử với thời cuộc

4.3.4. Ảnh hưởng của Đạo giáo trong phạm vi tín ngưỡng

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Văn hóa tôn giáo Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ)*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. *Văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadiere chủ bút tạp chí Bulletin Des Amis du vieux Hue đô thành hiếu cổ (1914 - 1944)* (2006) NXB Thuận Hóa

2. Nguyễn Văn Dân (2009), *Con người và văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội

3. Bùi Quang Thanh (2015), *Nghiên cứu luật tục, phong tục các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam*, NXB Khoa học xã hội

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Hà Đình Hùng

9.10 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐÔNG NAM Á_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Đường Chi Lăng – Thành Mai – Quảng Thành – Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 0974.781289
- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ, văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Tạ Thị Thuỷ

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: P. Đông Sơn, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0902 149 586
- Email: thuycvh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): văn hóa, văn học.

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á (Vietnamese Culture in the context of South-East Asia)
- Mã học phần: CSTC10
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 06 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về văn hóa Việt Nam trong nền cảnh văn hóa Đông Nam Á. Giúp học viên nhận biết được quá trình vận động và phát triển của văn hóa

Đông Nam Á, cơ tầng Đông Nam Á và bản sắc văn hóa Việt Nam. Những nét tương đồng và khác biệt của văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á.

3.2. Kỹ năng

Thông qua học phần học viên có cái nhìn biện chứng về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam cũng như đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á, giúp cho họ nâng cao năng lực kiến thức và trách nhiệm trong công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, cũng như giao lưu văn hóa quốc tế.

3.3. Thái độ

Học viên hình thành thái độ trân trọng và tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á. Đồng thời, khuyến khích tinh thần cởi mở, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

1.1. Quá trình nhận thức về tính khu vực của Đông Nam Á

1.1.1. Sự nhận thức về tính khu vực của Đông Nam Á thời cổ trung đại

1.1.2. Sự nhận thức về tính khu vực của Đông Nam Á thời cận hiện đại

1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội khu vực Đông Nam Á

1.2.1. Điều kiện tự nhiên

1.2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

1.3. Khái quát quá trình hình thành và phát triển các quốc gia Đông Nam Á

1.3.1. Sự xuất hiện và tiến hóa của con người ở Đông Nam Á

1.3.2. Sự xuất hiện các vương quốc cổ đại Đông Nam Á

1.3.3. Quá trình hình thành và phát triển các quốc gia dân tộc Đông Nam Á thời Trung đại

1.3.4. Các quốc gia Đông Nam Á thời cận và hiện đại

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á

2.1. Định vị loại hình văn hóa Đông Nam Á

2.1.1. Sự khu biệt với văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ

2.1.2. Khu vực văn hóa Đông Nam Á

2.2. Đặc trưng cơ tầng văn hóa Đông Nam Á

2.2.1. Ngữ hệ

2.2.2. Tộc người

2.2.3. Tổ chức sản xuất và đời sống

2.2.4. Tổ chức gia đình và xã hội

2.2.5. Nhận thức trí tuệ và đời sống tâm linh

2.2.6. Sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á

CHƯƠNG 3: TÍNH KHU BIỆT CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG KHÔNG GIAN VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á

3.1. Lịch sử hội nhập Đông Nam Á của Việt Nam

3.1.1. Quá trình hội nhập Đông Nam Á của Việt Nam thời cổ trung đại

3.1.2. Quá trình hội nhập Đông Nam Á của Việt Nam thời cận hiện đại

3.2. Quá trình hình thành tộc người và ngôn ngữ ở Việt Nam trong mối tương quan với khu vực Đông Nam Á

3.2.2. Quá trình hình thành tộc người và ngôn ngữ ở Đông Nam Á

3.2.3. Quá trình hình thành tộc người và ngôn ngữ ở Việt Nam

3.3. Cội nguồn mô hình văn hóa - xã hội lúa nước của người Việt và sự hình thành nhà nước sơ khai của Việt Nam trong mối tương quan với khu vực Đông Nam Á

3.3.2. Cội nguồn mô hình văn hóa – xã hội lúa nước của người Việt

3.3.3. Sự hình thành nhà nước sơ khai ở Việt Nam

3.4. Sự thống nhất và khu biệt của văn hóa Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

3.4.2. Sự thống nhất của văn hóa Việt Nam khu vực Đông Nam Á

3.4.3. Sự khu biệt của văn hóa Việt Nam khu vực Đông Nam Á

CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUAN NIỆM VỀ GIÁ TRỊ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM VÀ ĐÔNG NAM Á HIỆN NAY

4.1. Bối cảnh tình hình thế giới và Đông Nam Á

4.1.1. Tình hình thế giới

4.1.2. Tình hình ở Đông Nam Á

4.2. Những vấn đề đặt ra trong quan niệm hệ giá trị của văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á

3.1. Về văn hóa nhận thức

3.2. Về văn hóa tổ chức

3.3. Về văn hóa ứng xử

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á* (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Đức Dương (2000), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, NXB Khoa học xã hội

2. Thành Duy (2007), *Văn hoá Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá - thời cơ và thách thức*, NXB Văn hoá Thông tin ; Viện Văn hoá

3. Nguyễn Văn Dân (2009), *Con người và văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Nguyễn Văn Dũng

9.11 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ SỰ KIỆN VĂN HÓA_ 3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Hà Đình Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 36, Mạc Thị Bưởi, P. Bắc Sơn, Tp Sầm Sơn, Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912501982
- Email: hadinhung.vhh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Văn Dũng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: Đường Chi Lăng – Thành Mai – Quảng Thành – Tp Thanh Hóa
- Điện thoại: 0974.781289
- Email: nguyenvandungvhnt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Ngôn ngữ, văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý sự kiện văn hóa(Cultural event management)
- Mã học phần: CNBB11
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Nắm được nội hàm của các khái niệm cơ bản như sự kiện, sự kiện văn hóa;
- Nắm vững các tiêu chí chủ yếu để phân loại các sự kiện;
- Nắm được cách thức tổ chức và hoạt động của các sự kiện nói chung;

- Nắm được cách thức tổ chức và hoạt động của các sự kiện văn hóa và cách thức quản lý sự kiện văn hóa

3.2. Kỹ năng

- Phân loại được các loại sự kiện theo các tiêu chí chủ yếu;
- Áp dụng các kiến thức được học để tiến hành Tổ chức và quản lý các sự kiện văn hóa;
Có phương pháp quản lý các sự kiện văn hóa.

3.3. Thái độ

- Tăng cường nhận thức về vai trò của các sự kiện văn hóa ở Việt Nam;
- Có ý thức về việc học hỏi kinh nghiệm trong tổ chức và quản lý các sự kiện văn hóa, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các sự kiện văn hóa ở nơi công tác của bản thân.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ SỰ KIỆN

1.1. Khái niệm sự kiện

1.2. Phân loại sự kiện

1.2.1. Phân loại theo quy mô và tầm ảnh hưởng

1.2.2. Phân loại theo mục đích sự kiện và ngành nghề

1.2.3. Phân loại theo cấp quản lý

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng tới sự kiện

1.4. Vai trò của sự kiện

1.5. Quản lý nhà nước đối với hoạt động sự kiện

1.5.1. Cấu trúc truyền thống

1.5.2. Một số vấn đề trong thực tế hoạt động sự kiện văn hóa ở Việt Nam

1.5.3. Công tác quản lý nhà nước đối với sự kiện văn hóa

Chương 2: QUY TRÌNH TỔ CHỨC SỰ KIỆN

2.1. Định hình sự kiện

2.1.1. Phân tích bối cảnh, hình thành ý tưởng sự kiện

2.1.2. Làm việc với các bên liên quan

2.1.3. Mục tiêu của sự kiện và các yếu tố có liên quan

2.2. Lập kế hoạch tổ chức sự kiện

2.2.1. Lập chương trình

2.2.2. Dự toán ngân sách và vận động tài trợ cho sự kiện

2.2.3. Nhân lực và marketing sự kiện

2.3. Chuẩn bị cho tổ chức sự kiện

2.3.1. Thành lập Ban tổ chức sự kiện

2.3.2. Thủ tục hành chính và vấn đề pháp lý cho sự kiện

2.3.3. Khách mời và địa điểm tổ chức sự kiện

2.3.4. Nhân lực cho sự kiện

2.3.5. Hậu cần cho sự kiện

2.3.6. Dự tính các sự cố trong sự kiện

2.4. Tổ chức điều hành các hoạt động trong sự kiện

2.4.1. Tổ chức khai mạc

2.4.2. Điều hành diễn biến của sự kiện

2.4.3. Kết thúc sự kiện

Chương 3. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ SỰ KIỆN VĂN HÓA

3.1. Khái niệm sự kiện văn hóa

3.2. Quy trình tổ chức sự kiện văn hóa

3.3. Cách thức quản lý sự kiện văn hóa

3.4. Thực hành tổ chức các sự kiện văn hóa cơ bản

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Quản lý sự kiện văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Cao Đức Hải, (2010), *Quản lý lễ hội và sự kiện*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Huy (1998), *Quản lý hoạt động văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin

3. Lưu Văn Nghiê, *Tổ chức sự kiện*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2009

4. Nguyễn Vũ Hà, *Tập bài giảng Tổ chức sự kiện*, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, năm 2009

5. Lưu Kiếm Thanh, *Kỹ năng tổ chức sự kiện*, Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2007

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Hà Đình Hùng

9.12 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ TRUYỀN THÔNG_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Trí Nhiệm

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Hà Nội
- Điện thoại: 0903.283.354
- Email: trinhiem@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Quản lý truyền thông; Truyền thông với phát triển

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Hoàng Bá Tường

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Lê Hồng Phong, P. Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912314177
- Email: hoangtuongbtgth@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lễ hội truyền thống; Văn hóa dân gian, Thiết chế Văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý truyền thông (Mass communication management)
- Mã học phần: CNBB12
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 06 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Nắm sâu được vững những vấn đề lý luận cơ bản về bản chất, lịch sử hình thành, các lý thuyết nghiên cứu; mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và các vấn đề xã hội cũng như vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực Truyền thông đại chúng.

3.2. Kỹ năng

Giúp học viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các hoạt động liên quan đến việc xây dựng, triển khai, quản lý Truyền thông đại chúng.

3.3. Thái độ

- Học phần tạo hứng thú và say mê cho người học trong việc nghiên cứu kiến thức về quản lý truyền thông.
- Yêu cầu sinh viên phải tuân thủ các quy định về thái độ chuyên cần, không được nghỉ quá 20% số tiết /tín chỉ, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, semina.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chuyên đề 1: TRUYỀN THÔNG VÀ TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

1.1. Các khái niệm truyền thông, Truyền thông đại chúng

- 1.1.1. Truyền thông và truyền thông liên cá nhân
- 1.1.2. Truyền thông đại chúng và định chế truyền thông đại chúng.
- 1.1.3. Các loại hình truyền thông

1.2. Nghiên cứu hai mô hình truyền thông đại chúng của Lasswell và Jakobson

- 1.2.1. Mô hình truyền thông đại chúng của Lasswell
- 1.2.2. Mô hình truyền thông đại chúng của Jakobson

1.3. Đám đông, Đại chúng và Công chúng

- 1.3.1. Các khái niệm cơ bản
- 1.3.2. Bốn đặc trưng để nhận diện đại chúng
- 1.3.3. Phân biệt đại chúng với các khái niệm khác
- 1.3.4. Đại chúng và công chúng trong quá trình truyền thông đại chúng

1.4. Phương tiện truyền thông đại chúng

- 1.4.1. Các phương tiện truyền thông
- 1.4.2. Các phương tiện truyền thông đại chúng

1.5. Định chế truyền thông đại chúng

- 1.5.1. Định chế truyền thông đại chúng và các đặc điểm của định chế truyền thông đại chúng.
- 1.5.2. Mối quan hệ giữa định chế truyền thông đại chúng và các định chế xã hội khác (Văn hóa-Giáo dục, Kinh tế, Chính trị)
- 1.5.3. Vai trò, chức năng của định chế truyền thông đại chúng.

Chuyên đề 2: LỊCH SỬ VÀ CÁC LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

2.1. Lịch sử nghiên cứu truyền thông đại chúng

- 2.1.1. Giai đoạn 1 (Cuối thế kỷ 19)
- 2.1.2. Giai đoạn 2 (Đầu thế kỷ 20 - 1960)
- 2.1.3. Giai đoạn 3 (1960 - 1980)

2.1.4. Giai đoạn 4 (1980 - 2000)

2.1.5. Giai đoạn 5 (Đầu thế kỷ 21 - nay)

2.2. Các phương pháp nghiên cứu về truyền thông đại chúng

2.2.1. Lý thuyết mũi kim tiêm

2.2.2. Lý thuyết dòng chảy nhiều bước

2.2.3. Lý thuyết cấu trúc - chức năng

2.2.4. Lý thuyết phê phán truyền thông

2.2.5. Lý thuyết tất định luật truyền thông

2.2.6. Lý thuyết tất định luật văn hóa

2.2.7. Lý thuyết hậu hiện đại

Chuyên đề 3: TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

3.1. Văn hóa nhân văn truyền thông - Văn hóa đại chúng

3.1.1. Văn hóa nhân văn truyền thông

3.1.2. Khái quát về văn hóa truyền thông

3.1.3. Văn hóa đại chúng

3.1.4. Phương tiện truyền thông đại chúng và sự biến đổi văn hóa

3.1.5. Văn hóa thời đại số hóa

3.2. Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.2.1. Bản chất của toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.2.2. Các yếu tố điều kiện của toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.2.3. Hệ quả của quá trình toàn cầu hóa truyền thông đại chúng

3.3. Tác động của Công nghệ thông tin đối với Truyền thông đại chúng

3.3.1. Vai trò của Công nghệ thông tin đối với Truyền thông đại chúng.

3.3.2. Các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông đại chúng

3.3.3. Tác động của Internet và Truyền thông đa phương tiện đối với truyền thông đại chúng.

Chuyên đề 4: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

4.1 Nguyên tắc trong lãnh đạo, quản lý truyền thông đại chúng

4.1.1. Các nguyên tắc chung

4.1.2. Xây dựng hệ thống quản lý nhà nước về truyền thông đại chúng

4.1.3. Truyền thông đại chúng với sự phát triển con người Việt Nam

4.2. Quản lý nhà nước đối với hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng

4.2.1. Hệ thống quản lý nhà nước đối với các phương tiện truyền thông đại chúng

4.2.2. Hệ thống pháp luật về truyền thông đại chúng

4.2.3. Đạo đức nghề nghiệp

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Truyền thông văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Quang Vinh (2009), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. Hoàng Minh Tường (2009), *Công tác quản lý nhà nước về thông tin – truyền thông và vai trò của cán bộ VH TT cơ sở*, NXB Thanh Hóa

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa

TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn

TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn

TS. Hoàng Bá Tường

9.13 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO_ 3TC (2,1)

1. Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Hà Đình Hùng

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 36, Mạc Thị Bưởi, P. Bắc Sơn, Tp Sầm Sơn, Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912501982
- Email: hadinhung.vhh@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa học

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Hà Nội
- Điện thoại: 0983043493
- Email: nguyenlanhuongvicas@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Thiết chế, Quản lý thiết chế văn hóa

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (Management of cultural and sport institutions)
- Mã học phần: CNBB13
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Cung cấp cho học viên hệ thống và khối lượng kiến thức về chính sách, pháp luật, pháp lệnh về lĩnh vực quản lý thiết chế văn hóa, thể thao để người học hình thành tư duy logic, khoa học trong xử lý và giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý.

- Học phần cũng nhằm mục tiêu làm rõ các vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn để người học quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, những quy định của pháp luật.

3.2. Kỹ năng

- Giúp học viên có những kỹ năng, bản lĩnh vững vàng, có quan điểm khoa học trong quản lý, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao để tự tin, đủ khả năng làm việc cá nhân hay nhóm sau khi ra trường tại các cơ sở văn hóa trong và ngoài nước.

- Rèn luyện kỹ năng đọc, xử lý văn bản, kỹ năng tổ chức và điều hành, kỹ năng tham mưu, tư vấn; kỹ năng ban hành các văn bản liên quan đến công tác quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp, tổ chức các hoạt động, sự kiện tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Kỹ năng nhận thức vấn đề quản lý chung các lĩnh vực văn hóa

- Kỹ năng điều hành, tổ chức hoạt động trong các thiết chế văn hóa, thể thao

- Kỹ năng tham mưu, tư vấn công tác quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao

- Kỹ năng xử lý, phân tích các văn bản, quy định pháp luật trong công tác quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao.

3.3. Thái độ

Người học phải rèn luyện được quan điểm và bản lĩnh khi tham gia tổ chức và quản lý hoạt động ở các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

1.1. Khái niệm và các loại hình thiết chế văn hóa

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Các loại hình thiết chế văn hóa

1.2. Chức năng xã hội của các thiết chế văn hóa

1.2.1. Thông tin- giáo dục

1.2.2. Sáng tạo không chuyên

1.2.3. Giao tiếp

1.2.4. Nghỉ ngơi, vui chơi giải trí

1.2.5. Tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa

1.3. Những nguyên tắc cơ bản xây dựng và tổ chức các thiết chế văn hóa

1.3.1. Nguyên tắc đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân

1.3.2. Nguyên tắc bình đẳng

1.3.3. Nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh

Chương 2: QUẢN LÝ BẢO TÀNG

2.1. Định nghĩa

2.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động của Bảo tàng

2.3. Hoạt động nghiệp vụ của thiết chế bảo tàng

2.3.1. Công tác nghiên cứu

- 2.3.2. Công tác sưu tầm hiện vật
- 2.3.3. Công tác kiểm kê hiện vật
- 2.3.4. Công tác bảo quản hiện vật
- 2.3.5. Công tác trưng bày
- 2.3.6. Công tác giáo dục

2.4. Cơ cấu hệ thống thiết chế bảo tàng ở Việt Nam

2.5. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản lý Bảo tàng

- 2.5.1. Khái niệm quản lý Bảo tàng
- 2.5.2. Đặc điểm của Bảo tàng
- 2.5.3. Nguyên tắc quản lý Bảo tàng

2.6. Nội dung quản lý Bảo tàng

- 2.6.1. Mục tiêu và động lực
- 2.6.2. Cơ cấu tổ chức
- 2.6.3. Quản lý nhân sự
- 2.6.4. Quản lý tài chính

2.7. Pháp chế Bảo tàng

- 2.7.1. Quá trình hình thành những văn bản pháp luật và bộ máy quản lý di sản văn hóa nước ta.
- 2.7.2. Nội dung cơ bản của Luật Di sản Văn hóa và những quy định về Bảo tàng

2.8. Marketing Bảo tàng

Chương 3: QUẢN LÝ THƯ VIỆN

3.1. Định nghĩa và lịch sử hình thành Thư viện

- 3.1.1. Định nghĩa thư viện
- 3.1.2. Lịch sử hình thành Thư viện

3.2. Chức năng và đặc trưng của Thư viện

- 3.2.1. Chức năng của Thư viện
- 3.2.2. Đặc trưng của Thư viện

3.3. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản lý Thư viện

- 3.3.1. Khái niệm quản lý Thư viện
- 3.3.2. Đặc điểm của quản lý Thư viện
- 3.3.3. Nguyên tắc quản lý Thư viện

3.4. Nội dung quản lý Thư viện

- 3.4.1. Mục tiêu và động lực
- 3.4.2. Cơ cấu tổ chức
- 3.4.3. Quản lý nhân sự
- 3.4.4. Quản lý tài chính

3.5. Pháp chế Thư viện: Nội dung cơ bản của pháp luật về Thư viện (1984)

3.6. Marketing Thư viện

- 3.6.1. Phạm vi và quy trình của marketing Thư viện
- 3.6.2. Thị trường đặc thù sản phẩm văn hóa và sản phẩm Thư viện

3.6.3. Nghiên cứu thị trường

3.6.4. Nhu cầu và độc giả của Thư viện

Chương 4: QUẢN LÝ NHÀ VĂN HÓA, TRUNG TÂM VĂN HÓA- THỂ THAO

4.1. Định nghĩa

4.1.1. Nhà văn hóa

4.1.2. Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.2. Đặc điểm

4.3. Chức năng của thiết chế Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.4. Cơ cấu các hệ thống Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao ở Việt Nam

4.5. Lược sử hình thành và xu hướng phát triển các hệ thống Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao ở Việt Nam

4.6. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc quản lý Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.6.1. Khái niệm quản lý Nhà Văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.6.2. Đặc điểm quản lý Nhà Văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.6.3. Nguyên tắc quản lý Nhà Văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.7. Nội dung Quản lý Nhà Văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

4.7.1. Mục tiêu và động lực

4.7.2. Cơ cấu tổ chức

4.7.3. Quản lý nhân sự

4.7.4. Quản lý tài chính

4.8. Pháp chế Nhà văn hóa, Trung tâm văn hóa- Thể thao

Chương 5: CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA

5.1. Công tác tổ chức xây dựng hoạt động các thiết chế văn hóa

5.1.1. Kế hoạch, Kế hoạch hóa của các thiết chế văn hóa

5.1.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

5.1.3. Mục tiêu và phân loại mục tiêu của kế hoạch

5.1.4. Hệ thống chỉ tiêu trong kế hoạch tổ chức hoạt động

5.1.5. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động

5.1.6. Quy trình xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động

5.2. Quản lý các thiết chế văn hóa

5.2.1. Quy trình quản lý

5.2.2. Các cơ cấu tổ chức bộ máy

5.2.3. Phương pháp quản lý

5.2.4. Báo cáo tổng kết

5.3. Công tác lãnh đạo trong các thiết chế văn hóa

5.3.1. Những yêu cầu của công tác tổ chức, lãnh đạo

5.3.2. Hệ thống cơ cấu tổ chức và quản lý

5.3.3. Các đơn vị chức năng và tổ chức đoàn thể trong từng thiết chế văn hóa

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Phong Điều (2015), *Đình ở thành phố Cần Thơ*, NXB Khoa học xã hội
2. Nguyễn Thế Long (2005), *Đình và đền Hà Nội*, NXB Văn hoá Thông tin
3. Nguyễn Thị Thục (2016), *Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới*
4. Trần Văn Thúc (2017), *Thực trạng vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa

TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn

TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn

TS. Hà Đình Hùng

9.14 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA_3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Hoàng Bá Tường

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Lê Hồng Phong, P. Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912314177
- Email: hoangtuongbtgth@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lễ hội truyền thống; Văn hóa dân gian, Thiết chế Văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Tỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Hà Nội
- Điện thoại: 0913089476
- Email: lanhuongvicas@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Thị trường văn hóa; Kinh tế văn hóa; Thiết chế xã hội

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (Management of cultural and sport institutions)
- Mã học phần: CNBB14
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa trong tương lai.

3.2. Kỹ năng

Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các hoạt động liên quan đến việc quản lý thị trường văn hóa.

3.3. Thái độ

Người học phải rèn luyện được quan điểm và bản lĩnh khi tham gia tổ chức và quản lý hoạt động ở thị trường văn hóa.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chuyên đề 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA

1.1. Những vấn đề cơ bản về thị trường văn hóa

1.1.1. Sản phẩm văn hóa

1.1.1.1. Khái niệm

1.1.1.2. Phân loại sản phẩm văn hóa

1.1.1.3. Đặc trưng của sản phẩm văn hóa

1.1.2. Hàng hóa văn hóa

1.1.2.1. Khái niệm

1.1.2.2. Đặc trưng của hàng hóa văn hóa

1.1.3. Thị trường văn hóa

1.1.3.1. Thị trường

1.1.3.2. Thị trường văn hóa

1.1.3.3. Đặc trưng thị trường văn hóa

1.1.3.4. Những yếu tố tác động đến thị trường văn hóa

1.1.4. Thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.4.1. Bản chất của thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.4.2. Tính tất yếu của thương mại hóa sản phẩm văn hóa

1.1.4.3. Phân loại sản phẩm văn hóa theo mức độ thương mại hóa sản phẩm văn

hóa

1.1.5. Dự báo xu hướng phát triển thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập

1.1.5.1. Xu hướng tích cực

1.1.5.2. Xu hướng tiêu cực

1.2. Quản lý thị trường văn hóa

1.2.1. Khái niệm

1.2.2. Chủ thể và đối tượng

1.2.3. Mục tiêu quản lý thị trường văn hóa

1.2.4. Phương pháp quản lý thị trường văn hóa

Chương 2: NỘI DUNG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG VĂN HÓA

2.1. Chính sách kinh tế trong văn hóa

- 2.1.1 Khái niệm chính sách kinh tế trong văn hóa
- 2.1.2. Chính sách đầu tư cho phát triển văn hóa
- 2.1.3. Chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển văn hóa
- 2.1.4. Chính sách chuyển các đơn vị sự nghiệp văn hóa sang cơ chế thị trường
- 2.1.5 Chính sách đa dạng hóa các loại hình hoạt động kinh doanh

2.2.Cơ chế quản lý kinh tế đối với các hoạt động văn hóa

- 2.2.1. Khái niệm cơ chế quản lý kinh tế trong văn hóa
- 2.2.2. Nội dung cơ chế quản lý kinh tế trong văn hóa
 - 2.2.2.1 Định hướng thị trường văn hóa
 - 2.2.2.2 Giám sát thị trường văn hóa
 - 2.2.2.3 Hỗ trợ sự phát triển thị trường văn hóa
 - 2.2.2.4 Đánh giá nội dung và chất lượng hàng hóa văn hóa
 - 2.2.2.5. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

2.3.Các biện pháp đổi mới trong quản lý thị trường văn hóa

- 2.3.1.Tăng cường tầm kiểm soát vĩ mô của Nhà nước về lĩnh vực văn hóa và chuyển biến phương thức quản lý văn hóa.
- 2.3.2.Mở cửa đi đôi với bảo vệ và phát triển văn hóa .
- 2.3.3. Tăng cường bảo hộ quyền sở hữu tuệ.

Chương 3: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA

3.1.Khái niệm tổ chức

3.2.Các tổ chức tham gia quản lý kinh tế trong lĩnh vực văn hóa

- 3.2.1. Các đơn vị hành chính
- 3.2.2. Các tổ chức chính trị - xã hội
- 3.2.3. Các đơn vị sự nghiệp và sự nghiệp có thu
- 3.2.4. Các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa văn hóa

3.3.Nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa

- 3.3.1. Các yếu tố cơ bản trong sản xuất sáng tạo sản phẩm văn hóa
- 3.3.2. Sự kết hợp hài hòa các yếu tố đầu vào cho sản xuất sản phẩm văn hóa
- 3.3.3. Marketing văn hóa

5.Học liệu

5.1.Tài liệu bắt buộc

- 1. Tập bài giảng *Quản lý thị trường văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

5.2.Tài liệu tham khảo

- 1. Lê Ngọc Tòng, (2016), *Giáo trình kinh tế học văn hóa*, NXB Lý luận chính trị
- 2. Thành Duy (2007), *Văn hóa Việt Nam trước xu thế toàn cầu hóa – thời cơ và thách thức*, NXB Văn hóa Thông Tin, Viện Thông tin
- 3.Nguyễn Trí Nguyên (2004), *Những bài giảng về quản lý văn hóa trong kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*, NXB Văn hóa thông tin

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS Nguyễn Thị Lan Hương

9.15 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH VĂN HÓA_3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Thục

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH, TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 50/118, Phan Bội Châu, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: Bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Di Quản lý Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa; Di sản Văn hóa gắn với phát triển du lịch

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Thành phố Hà Tĩnh
- Điện thoại: 0918212228
- Email: nguyennguyetht@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): lĩnh vực văn hóa Văn hóa; Di sản Văn hóa gắn với phát triển du lịch....

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Phát triển chính sách văn hoá (Development of cultural policy)
- Mã học phần: CNBB15
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 09 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Nắm vững những kiến thức cơ bản về nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa; các mô hình quản lý văn hóa tiêu biểu hiện nay trên thế giới; Những nội dung cơ bản của chính sách văn hóa và những khuynh hướng nổi bật trong xây dựng chính sách văn hóa hiện nay; Vấn đề hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam. Từ đó học viên có được những

kiến thức nền tảng quan trọng cho việc thực thi các nhiệm vụ công tác sau khi hoàn thành chương trình học tập.

3.2. Kỹ năng

Học phần cung cấp cho học viên những kỹ năng cơ bản trong việc phân tích chính sách văn hóa và quá trình vận hành chính sách văn hóa trong thực tiễn.

3.3. Thái độ

Học viên hình thành thái độ nghiêm túc, có trách nhiệm trong nghiên cứu, xây dựng và thực thi chính sách văn hóa. Học viên được khuyến khích tư duy phản biện, sáng tạo và chủ động trong việc đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách văn hóa phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH VĂN HÓA

1.1.Một số khái niệm

1.1.1.Khái niệm văn hóa

1.1.2.Khái niệm quản lý văn hóa

1.1.3. Khái niệm chính sách văn hóa

1.1.4. Khái niệm hoàn thiện chính sách văn hóa

1.1.5. Khái niệm phát triển

1.2.Nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa của các nước và Việt Nam

1.2.1. Nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới.

1.2.2. Nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa Việt Nam

1.3.Một số quan điểm về chính sách văn hóa trên thế giới hiện nay

1.3.1.Quan điểm gắn văn hóa với hệ tư tưởng, chính trị

1.3.2.Quan điểm dân tộc về văn hóa: Văn hóa thể hiện đặc trưng dân tộc

1.3.3.Quan điểm kinh tế: Sản phẩm văn hóa là một loại hàng hóa

Chương 2: KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VĂN HÓA CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

2.1. Một số mô hình chính sách văn hóa trên thế giới

2.1.1. Mô hình “Phúc lợi nhà nước”

2.1.2. Mô hình “Kế hoạch hóa tập trung”

2.1.3. Mô hình quản lý văn hóa gián tiếp “Cánh tay nối dài”

2.1.4. Mô hình Mỹ

2.1.5. Mô hình Trung Quốc

2.1.6. Mô hình Hàn Quốc

2.2. Nội dung cơ bản của chính sách văn hóa quốc gia trên thế giới hiện nay

2.2.1. Những lĩnh vực mang tính truyền thống trong chính sách văn hóa

2.2.2. Những lĩnh vực mới trong chính sách văn hóa quốc gia hiện nay

2.2.3. Dân chủ hóa văn hóa và Dân chủ văn hóa-hai thành tố chiến lược trong xây dựng chính sách văn hóa.

2.3. Phương pháp, kinh nghiệm xây dựng chính sách văn hóa của các nước trên thế giới

2.3.1. Phương pháp và kinh nghiệm xây dựng chính sách văn hóa

2.3.2. Khuynh hướng trong công tác nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa trên thế giới hiện nay.

2.3.3. Một số mô hình xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa trên thế giới,

2.3.4. Mô hình khung giới thiệu chính sách văn hóa quốc gia.

Chương 3: HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

3.1. Cơ sở xây dựng và hoàn thiện chính sách văn hóa

3.1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa

3.1.2. Thực trạng phát triển văn hóa hiện nay

3.2. Nội dung hoàn thiện, phát triển chính sách văn hóa

3.2.1. Những vấn đề chung

3.2.2. Nội dung hoàn thiện, phát triển chính sách văn hóa

3.3. Những giải pháp hoàn thiện, phát triển chính sách văn hóa

3.3.1. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước

3.3.2. Xã hội hóa các hoạt động văn hóa

3.3.3. Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ hoạch định chính sách

3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng và thực hiện chính sách văn hóa

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Phát triển chính sách văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Thị Hiền (2012), *Chính sách văn hóa*, NXB Hà Nội

[3] Nguyễn Hữu Thức (2007), *Một số kinh nghiệm quản lý và hoạt động tư tưởng văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin, Viện Văn hóa

[4] Lương Hồng Quang (2016), *Chính sách văn hóa*, NXB Lao động

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Nguyễn Thị Thục

9.16 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC VĂN HÓA – NGHỆ THUẬT_2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Lan Hương

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Hà Nội
- Điện thoại: 0983043493
- Email: nguyenlanhuongvicas@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Thiết chế, Quản lý thiết chế văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thục

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH, TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 50/118, Phan Bội Châu, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: Bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Quản lý nguồn lực văn hóa; Di sản văn hóa; Chính sách văn hóa.

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý và phát triển nguồn lực văn hoá-nghệ thuật (Culture resource development)
- Mã học phần: CNBB16
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 06 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Giúp người học hiểu sâu sắc hơn về bản chất của các hoạt động văn hóa nghệ thuật, vai trò của các hoạt động đối với sự phát triển văn hóa nghệ thuật nói riêng và xã hội nói chung, trong đó các nguồn lực chính là yếu tố quan trọng, không thể thiếu, mang tính quyết định đến chất lượng các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

3.2. Kỹ năng

- Học viên sử dụng các kiến thức được học để quản lý và phát triển các nguồn lực trong hoạt động văn hóa nghệ thuật.
- Xây dựng thái độ tôn trọng, có trách nhiệm sử dụng nguồn lực văn hóa nghệ thuật trong công tác quản lý văn hóa nghệ thuật.

3.3. Thái độ

- Học phần tạo hứng thú và say mê cho người học trong việc nghiên cứu kiến thức về quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật.
- Yêu cầu sinh viên phải tuân thủ các quy định về thái độ chuyên cần, không được nghỉ quá 20% số tiết /tín chỉ, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận, semina.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.1. Một số quan điểm khoa học về nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.1.1. Khái niệm nguồn lực

1.1.2. Khái niệm nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.2. Đặc điểm và vai trò của nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.2.1. Đặc điểm của nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.2.2. Vai trò của nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.3. Các nguồn lực văn hóa nghệ thuật

1.3.1. Nguồn nhân lực

1.3.2. Hệ thống cơ sở vật chất

1.3.3. Hệ thống chính sách

1.3.4. Các nguồn lực khác

Chương 2: Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa nghệ thuật trong bối cảnh kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay

2.1. Kinh nghiệm quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa nghệ thuật tại một số quốc gia trên thế giới

2.1.1. Kinh nghiệm của một số nước phương Tây

2.1.2. Kinh nghiệm của một số nước phương Đông

2.2. Phương pháp xây dựng quy hoạch quản lý và phát triển nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật

2.2.1. Lập chiến lược nguồn nhân lực

2.2.2. Tuyển chọn và sử dụng nguồn nhân lực

2.2.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

2.3. Phương pháp xây dựng quy hoạch quản lý và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất

2.3.1. Hệ thống thiết chế văn hóa

2.3.2. Hệ thống cơ sở vật chất và một số trang thiết bị khác

2.4. Phương pháp xây dựng cơ chế chính sách nhằm xã hội hóa nguồn lực văn hóa nghệ thuật

2.4.1. Định hướng công tác xã hội hóa của Đảng và Nhà nước

2.4.2. Phương pháp xã hội hóa các nguồn lực văn hóa nghệ thuật

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Quản lý nguồn lực văn hóa – nghệ thuật* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Thanh Lan (2016), *Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa – nghệ thuật*, NXB Lao động

[3] Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Tấn Thịnh (2012), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[4] Nguyễn Tiệp (2005), *Giáo trình nguồn nhân lực*, Nxb Lao động Xã hội

[5] Bùi Văn Nhơn (chủ biên), Nguyễn Trịnh Kiểm, Đinh Thị Minh Tuyết (2011), *Giáo trình quản lý nguồn nhân lực xã hội*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS Nguyễn Thị Lan Hương

9.17 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM_3TC (2,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Lê Thị Thảo

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 110 Tây Ga, phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0933868919
- Email: lethao cvh@gmail
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử, văn hóa Việt Nam

Họ và tên: Phạm Văn Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: phường Phú Sơn, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0933868919
- Email: phamtuancvh@gmail
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lịch sử, văn hóa Việt Nam

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý và phát triển nguồn lực văn hoá-nghệ thuật (Culture resource development)
- Mã học phần: CNBB17
- Số tín chỉ: 03
- Học kỳ thực hiện: Kỳ II
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 36 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 09 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về công tác quản lý di sản văn hóa bao gồm:

- Những vấn đề cơ bản về di sản văn hóa và quản lý di sản văn hóa
- Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

- Khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hiện nay
- Cung cấp cho sinh viên hệ thống các văn bản pháp quy của Nhà nước trong công tác quản lý di sản văn hoá bao gồm
 - + Các công ước quốc tế về di sản văn hóa.
 - + Luật di sản văn hóa năm 2002 và hướng dẫn sử dụng luật di sản.
 - + Các văn bản dưới luật bao gồm chỉ thị, nghị định, qui chế.... qui định về công tác quản lý di sản văn hóa của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Công ước quốc tế về văn hóa và di sản văn hóa.

3.2. Kỹ năng

- Trên cơ sở nội dung kiến thức lý thuyết của học phần người học vận dụng làm các bài thực hành giúp họ có được kỹ năng sau:
 - Kỹ năng điền dã, kỹ năng đọc tra cứu, nghiên cứu xử lý tư liệu, phân tích, tổng hợp trong nghiên cứu các tư liệu lịch sử và những nguồn sử liệu, di vật mới phát hiện phục vụ công tác quản lý di sản văn hóa.
 - Rèn luyện kỹ năng, khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.
 - Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hiện tốt các qui trình như ; xây dựng hệ thống văn bản hồ sơ khoa học xếp hạng di sản văn hóa các cấp. Hồ sơ khoa học bảo tồn, chống xuống cấp di sản văn hóa phục vụ công tác quản lý và khai thác phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa.
 - Rèn luyện kỹ năng và năng lực trong công tác thẩm định, đánh giá, giá trị hệ thống di sản văn hoá, cũng như hoạch định chính sách, tư vấn ban hành hệ thống văn bản trong công tác quản lý di sản văn hoá.

3.3. Thái độ

- Giúp học viên nhìn nhận và đánh giá giá trị di sản văn hóa của dân tộc qua đó nâng cao ý thức gìn giữ và bảo tồn di sản văn hóa dân tộc.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DI SẢN VĂN HÓA VÀ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA

1.1. Những vấn đề cơ bản về di sản văn hóa

1.1.1. Khái niệm và loại hình di sản văn hóa

1.1.1.1. Khái niệm di sản văn hóa

1.1.1.2. Loại hình di sản văn hóa

1.1.2. Tổng quan về di sản văn hóa vật thể

1.1.2.1. Danh lam thắng cảnh

1.1.2.2. Di tích lịch sử - văn hóa

1.1.2.3. Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1.1.3. Tổng quan về di sản văn hóa phi vật thể

1.1.3.1. Tiếng nói, chữ viết

1.1.3.2. Ngữ văn dân gian

1.1.3.3. Nghệ thuật trình diễn dân gian

1.1.3.4. Tập quán, xã hội và tín ngưỡng

1.1.3.5. Lễ hội truyền thống

1.1.3.6. Nghề thủ công truyền thống

1.1.3.7. Tri thức dân gian

1.2. Những vấn đề cơ bản về quản lý di sản văn hóa

1.2.1. Khái niệm, nội dung, nguyên tắc quản lý di sản văn hóa

1.2.1.1. Khái niệm quản lý di sản văn hóa

1.2.1.2. Nội dung quản lý văn hóa

1.2.1.3. Nguyên tắc quản lý di sản văn hóa

1.2.2. Thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam

1.2.2.1. Thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam trước năm 1945

1.2.2.2. Công tác quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam từ sau 1945 đến nay

CHƯƠNG 2. BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA

2.1. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản vật thể

2.1.1. Bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

2.1.1.1. Kiểm kê và xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

2.1.1.2. Bảo vệ, trùng tu, tôn tạo và phục dựng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2.1.1.3. Xây dựng lý lịch di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2.1.2. Bảo vệ và phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

2.1.2.1. Suru tầm, giám định, đăng ký di vật, cổ vật

2.1.2.2. Việc công nhận, bảo vệ, bảo quản bảo vật quốc gia

2.1.3. Bảo tàng và công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa

2.2. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

2.2.1 Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

2.2.1.1. Nhiệm vụ, yêu cầu kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

2.2.1.2. Phương pháp kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

2.2.2. Xếp hạng di sản văn hóa phi vật thể

2.2.2.1. Quy trình, hồ sơ xếp hạng

2.2.2.1. Xây dựng hồ sơ xếp hạng di sản văn hóa phi vật thể

2.2.3. Nguyên tắc, phương pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

CHƯƠNG 3. KHAI THÁC, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

3.1. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và sự phát triển

3.2. Các hình thức phát huy giá trị di sản văn hóa

3.3. Khai thác giá trị di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

3.3.1. Mối quan hệ giữa di sản văn hóa và hoạt động du lịch

3.3.1.1. Vai trò của di sản văn hóa đối với hoạt động du lịch

3.3.1.2. Tác động của hoạt động du lịch tới di sản văn hóa

3.3.1.3. Vai trò và đặc điểm của loại hình du lịch gắn với hệ thống di sản Việt Nam

3.3.2. Nguyên tắc, phương pháp khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

3.3.2.1. Nguyên tắc khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

3.3.2.2. Nguyên tắc khai thác phát huy giá trị di sản văn hóa trong hoạt động du lịch

3.4. Bài học kinh nghiệm của thế giới và Việt Nam về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

3.4.1. Bài học kinh nghiệm của thế giới

3.4.2. Bài học kinh nghiệm ở một số địa phương trong nước

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Quản lý di sản văn hóa* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Hồng Lý(2010), *Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch*, NXB Đại học quốc gia HN

[3] Vũ Tiến Kỳ (2017), *Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Hưng Yên- Q.2*, NXB Hội Nhà văn

[4] Trần Văn An (2011), *Di sản văn hóa văn nghệ dân gian Hội An*, NXB Lao động

[5] Lê Văn Tạo (2016), *Di sản văn hóa truyền thống ở Thanh Hóa*, NXB Thanh Hóa

[6] Ban Nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2005), *Văn hóa phi vật thể Thanh Hóa*, NXB Thanh Hóa

[7] Lê Văn Tạo (2011), *Di sản văn hóa*, NXB Thế giới

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Lê Thị Thảo

9.18 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA_2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Nguyễn Thị Thục

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH, TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 50/118, Phan Bội Châu, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0969.44.33.88
- Email: Bichthuc.dvtdt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Di Quản lý Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa; Di sản Văn hóa gắn với phát triển du lịch

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Hoài Sơn

- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Viện Văn hóa- Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam
- Điện thoại: 0983.325.173
- Email: sonmqq@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Quản lý nguồn lực văn hóa; Di sản văn hóa; Chính sách văn hóa; Lễ hội truyền thống

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hoá (Planning and Strategy for Cultural Development)
- Mã học phần: CNTC18
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Học phần Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa trang bị cho học viên những kiến thức về: Quan điểm, đường lối văn hóa của Đảng; tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển văn hóa; phương pháp, cách thức trong việc tiến hành xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa; vấn đề triển khai thực hiện trong thực tiễn.

3.2. Kỹ năng

Học viên nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về văn hóa; Biết nắm bắt cơ hội, hình thành ý tưởng; chủ động trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa.

3.3. Thái độ

Học viên hình thành thái độ nghiêm túc, trách nhiệm và chủ động trong việc nghiên cứu, xây dựng và thực thi kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa. Học viên được khuyến khích tinh thần sáng tạo, linh hoạt trong việc đề xuất giải pháp phát triển văn hóa phù hợp với thực tiễn.

4. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐƯỜNG LỐI VĂN HÓA CỦA ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

1.1. Khái quát chung về đường lối văn hóa của Đảng

1.1.1. Một số văn kiện – cơ sở lý luận hình thành đường lối văn hóa – văn nghệ của Đảng

1.1.2. Mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa

1.2. Khái quát về kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

1.2.1. Định nghĩa kế hoạch phát triển văn hóa

1.2.2. Mục đích lập kế hoạch phát triển văn hóa

1.2.3. Phân loại các kế hoạch phát triển văn hóa

1.3. Khái quát về Chiến lược phát triển văn hóa

1.3.1. Định nghĩa Chiến lược phát triển văn hóa

1.3.2. Mục đích lập Chiến lược phát triển văn hóa

1.3.3. Phân loại chiến lược phát triển văn hóa

1.4. So sánh kế hoạch và chiến lược phát triển văn hóa

1.4.1. Những điểm chung

1.4.2. Những điểm khác biệt

1.5. Nội dung kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

1.6. Vận dụng một số lý thuyết, phương pháp nghiên cứu hiện đại trong xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

1.6.1. Vận dụng một số lý thuyết

1.6.2. Phân tích SWOT

1.6.3. Phương pháp xác định 5W, 2H

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Nhận thức chung

2.1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa

2.1.3. Các yêu cầu của một bản kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa theo tư duy mới.

2.2. Cơ sở thực hiện

- 2.2.1. Bước 1: Công tác chuẩn bị
- 2.2.2. Bước 2: Thu thập thông tin xây dựng dự thảo Đề án
- 2.2.3. Bước 3: Gửi đề án đến tổ chức có thẩm quyền xem xét, phê duyệt
- 2.2.4. Bước 4: Hoàn thiện hồ sơ Đề án nộp phong lưu trữ của cơ quan
- 2.2.5. Bước 5: Tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả của kế hoạch hay chiến lược.

CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH MỘT SỐ KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

- 3.1. Chiến lược phát triển văn hóa
- 3.2. Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam
- 3.3. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam
- 3.4. Chiến lược phát triển Thể thao Việt Nam
- 3.5. Kế hoạch phát triển văn hóa 1
- 3.6. Kế hoạch phát triển văn hóa 2

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Thị Thục, Tập bài giảng *Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Cao Đức Hải (2014), *Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*. NXB Lao động

[4] Nguyễn Văn Huy, (1998), *Quản lý hoạt động văn hóa*, NXB Văn hóa Thông tin

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn



TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn



TS. Nguyễn Thị Thục

9.19 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GÂY QUỸ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT_2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Trần Việt Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 206, Đường 5, phố Đông Phát 1, P.Đông Vệ. TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 090.424.0125
- Email: tranviet.anh125@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lý luận và Lịch sử mỹ thuật Việt Nam

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Vy Minh Huy

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 223, đường Lý Thái Tông, phố Đông Bắc Ga 1, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0919.755.244
- Email: viminhhuy.gt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa dân gian; Nghệ thuật âm nhạc học

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Gây quỹ cho các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật (Fundraising for the arts and Cultural Activities)
- Mã học phần: CNTC19
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

- Giúp học viên nhận thức cơ bản về khái niệm, hình thức, kỹ năng gây quỹ và tìm tài trợ
- Đặc điểm của tổ chức văn hóa nghệ thuật và cách vận động thích hợp.
- Các bước triển khai một dự án gây quỹ, tìm tài trợ.
- Một số hình thức gây quỹ, tìm tài trợ điển hình

3.2. Kỹ năng

- Giúp học viên lập các kế hoạch tổ chức gây quỹ và tìm tài trợ
- Kỹ năng thao tác trong gây quỹ và tìm tài trợ
- Gây quỹ và tìm tài trợ cho một số tổ chức văn hóa điển hình
- Giúp học viên lĩnh hội và tích hợp hệ thống kiến thức liên quan đến gây quỹ và tìm tài trợ nhằm vận động, kết nối, hợp tác và trao đổi lợi ích với các nhà tài trợ; duy trì mối quan hệ giữa tổ chức và nhà tài trợ. Có khả năng chuyên môn vững vàng trong tác nghiệp công tác quản lý nhà nước về văn hoá cũng như tham gia công tác gây quỹ, tìm tài trợ tại các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau.

3.3. Thái độ

Học viên hình thành thái độ chủ động, trách nhiệm và chuyên nghiệp trong việc gây quỹ và tìm tài trợ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Học viên được khuyến khích tinh thần sáng tạo, linh hoạt và kiên trì trong quá trình vận động nguồn lực.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ GÂY QUỸ VÀ TÌM TÀI TRỢ TRONG CÁC TỔ CHỨC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

1.1. Lý thuyết về gây quỹ và tìm tài trợ

- 1.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của gây quỹ và tìm tài trợ
- 1.1.2. Vài nét lịch sử của gây quỹ và tìm tài trợ ở một số nước trên thế giới và Việt Nam
- 1.1.3. Lý luận về vai trò của văn hóa nghệ thuật trong gây quỹ và tìm tài trợ

1.2. Các loại hình gây quỹ và tìm tài trợ

- 1.2.1. Thu thập của tổ chức
- 1.2.2. Ngân sách nhà nước
- 1.2.3. Trợ cấp không hoàn lại
- 1.2.4. Góp tặng và các đợt kêu gọi
- 1.2.5. Tài trợ từ các tổ chức từ thiện và các quỹ
- 1.2.6. Bảo trợ
- 1.2.7. Tài trợ của doanh nghiệp

1.3. Một số kỹ năng, nguyên tắc gây quỹ và tìm tài trợ

- 1.3.1. Những kỹ năng người gây quỹ cần có
- 1.3.2. Một số nguyên tắc then chốt trong gây quỹ

Chương 2: QUY TRÌNH GÂY QUỸ VÀ TÌM TÀI TRỢ

2.1. Các bước gây quỹ và tìm tài trợ

- 2.1.1. Đánh giá đặc điểm của tổ chức văn hóa nghệ thuật
- 2.1.2. Lập hồ sơ mời tài trợ

- 2.1.3. Nghiên cứu nhà tài trợ mục tiêu
- 2.1.4. Quy trình tiếp cận nhà tài trợ
- 2.1.5. Phát triển mối quan hệ hợp tác với nhà tài trợ

2.2. Một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ

- 2.2.1. Tổ chức chiến dịch vận động gây quỹ
- 2.2.2. Tổ chức sự kiện gây quỹ
- 2.2.3. Marketing trực tiếp

Chương 3: MỘT SỐ MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP GÂY QUỸ, TÀI TRỢ ĐIỂN HÌNH

3.1. Mô hình gây quỹ, tìm tài trợ trong xuất bản phẩm

- 3.1.1. Xuất bản sách, báo, tạp chí
- 3.1.2. Tác phẩm nghe, nhìn

3.2. Mô hình gây quỹ, tìm tài trợ trong biểu diễn nghệ thuật, triển lãm nghệ thuật

- 3.2.1. Gây quỹ và tìm tài trợ trong biểu diễn âm nhạc
- 3.2.2. Gây quỹ và tìm tài trợ trong triển lãm mỹ thuật

3.3. Mô hình gây quỹ, tìm tài trợ trong bảo tồn văn hóa, truyền nghề

- 3.3.1. Gây quỹ và tìm tài trợ trong bảo tồn âm nhạc, sân khấu truyền thống
- 3.3.2. Gây quỹ và tìm tài trợ bảo tồn làng nghề thủ công truyền thống

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Gây quỹ cho các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật*, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), *Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[3] Ngô Ánh Hồng (2012), *Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức văn hóa – nghệ thuật*, NXB Lao động

[4] Cao Đức Hải (2009), *Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

[5] Ngô Anh Hồng (2009), *Gây quỹ trái tim*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

9.20 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN QUẢN LÝ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG_ 2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Hoàng Bá Tường

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng
- Địa chỉ liên hệ: Lê Hồng Phong, P. Ba Đình, Thành phố Thanh Hóa
- Điện thoại: 0912314177
- Email: hoangtuongbtgth@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lễ hội truyền thống; Văn hóa dân gian, Thiết chế Văn hóa

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Văn Tạo

Chức danh, học hàm, học vị: NGND.PGS.TS

Thời gian, địa điểm làm việc: Thỉnh giảng

Địa chỉ liên hệ: 35/ngõ 99/ Định Công Hạ, Q. Hoàng Mai, HN

Điện thoại, email: 097 478 1289

Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa học, Nghệ thuật học

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Quản lý văn hóa và phát triển bền vững (Cultural Management and Sustainable Development)
- Mã học phần: CNTC19
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 15 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Nhận thức căn bản về những quy luật căn bản của kinh tế và văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa ở thế kỷ XXI; Vai trò vị thế của văn hóa trong phát triển; Nhận dạng và nghiên cứu thực tiễn văn hóa và phát triển ở Việt Nam;

3.2. Kỹ năng

Có khả năng nghiên cứu, đánh giá các hình thái văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa ở Việt Nam; Phân tích- dự báo trong công tác QLVH nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế một cách hiệu quả.

3.3. Thái độ

Có thái độ học tập nghiêm túc, có ý thức rèn luyện từ đó có định hướng học tập, rèn luyện rõ ràng.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: SỰ TƯƠNG TÁC CỦA VĂN HÓA - KINH TẾ TRONG QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA

1.1.Vị thế của văn hóa trong quá trình toàn cầu

1.1.1. Nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của con người

1.1.2. Vai trò của văn hóa trong lịch sử đời sống con người

1.1.3. Giá trị của văn hóa trong cuộc sống

1.2. Sự tác động của toàn cầu đến văn hóa trên bình diện kinh tế và công nghệ

1.2.1. Những tác động kinh tế thị trường đến văn hóa

1.2.2. Những tác động của Công nghệ đến văn hóa

1.2.3. Những mâu thuẫn của đồng quy văn hóa

1.3. Những tương tác giữa kinh tế và VH trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa.

1.3.1. Mâu thuẫn giữa động lực của kinh tế và động lực của văn hóa.

1.3.2. Tương tác - xung đột - hợp tác giữa văn hóa - công nghệ- kinh tế ở thế kỷ

21.

1.3.3. Tương tác và mâu thuẫn về giá trị (Luận thuyết A. Smit và Alvin Toffler).

Chương 2: VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN

2.1. Văn hóa là mục tiêu phát triển của con người

2.2.1. Khái quát diễn trình phát triển văn hóa của loài người

2.2.2. Văn hóa là mục tiêu tất yếu của kinh tế, công nghệ

2.2.3. Văn hóa là sản phẩm cuối cùng của cuộc sống con người

2.2. Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa.

2.2.1. Sự chuyển dịch văn hóa tất yếu ở thế kỷ 21

2.2.2. Quá trình tương tác của các nền văn hóa.

2.2.3. Hệ quả của toàn cầu hóa văn hóa

2.3. Những vấn đề bảo tồn Văn hóa truyền thống, Quốc gia, Dân tộc trong bối cảnh toàn cầu ở Việt Nam;

2.3.1. Mối quan hệ của Văn hóa toàn cầu và Văn hóa Dân tộc- Quốc gia;

2.3.2. Những cảnh báo về sự đồng điệu, nghèo nàn của quá trình toàn cầu hóa văn hóa ở VN;

2.3.3. Giải pháp bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống trong bối cảnh Kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ở Việt Nam.

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

1. Tập bài giảng *Quản lý văn hóa và phát triển bền vững* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Đồng (1996), *Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam*, NXB Văn hóa dân gian

2. Nguyễn Chí Tình (2009), *Văn hóa và thời đại*, NXB Khoa học Xã hội 3. Phạm Xuân Nam (2005), *Văn hóa và phát triển*, NXB Khoa học xã hội

3. Huỳnh Khái Vinh (1996), *Văn hóa văn nghệ vì sự nghiệp phát triển xã hội*, NXB Văn học

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.

- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.

- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.

- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10

- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10

- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10

- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa



Trưởng bộ môn



Người biên soạn



9.21 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM_2TC (1,1)

1.Thông tin về giảng viên

1.1.Thông tin về giảng viên biên soạn

Họ và tên: Trần Việt Anh

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 206, Đường 5, phố Đông Phát 1, P.Đông Vệ. TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 090.424.0125
- Email: tranviet.anh125@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Lý luận và Lịch sử mỹ thuật Việt Nam

1.2.Thông tin về giảng viên cùng giảng dạy học phần

Họ và tên: Vy Minh Huy

- Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm làm việc: Toàn thời gian, ĐH VH TT&DL TH
- Địa chỉ liên hệ: 223, đường Lý Thái Tông, phố Đông Bắc Ga 1, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa
- Điện thoại: 0919.755.244
- Email: viminhhuy.gt@gmail.com
- Thông tin về các hướng nghiên cứu chính (chuyên ngành): Văn hóa dân gian; Nghệ thuật âm nhạc học

2.Thông tin chung về học phần

2.1.Tên ngành:

- Tên học phần: Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditional art)
- Mã học phần: CNTC21
- Số tín chỉ: 02
- Học kỳ thực hiện: Kỳ III
- Học phần kế tiếp: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Phân bố thời gian:
 - Giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thảo luận, bài tập: 06 tiết
 - Thực hành, thực tập: 0 tiết
 - Tự học, tự nghiên cứu: 60 tiết

2.2.Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý văn hoá

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Kiến thức

Nhận thức căn bản về một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu Việt Nam. Hiểu biết được khái quát của diễn trình, đặc trưng thẩm mỹ, giá trị văn hóa xã hội của mỗi loại hình.

3.2. Kỹ năng

Có khả năng nghiên cứu, đánh giá giá trị của mỗi loại hình nghệ thuật truyền thống để giữ gìn và phát huy trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế .

3.3. Thái độ

Hiểu biết giá trị của nghệ thuật truyền thống Việt Nam, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa truyền thống

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: MỸ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

1.1. Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam

- 1.1.1. Nhà cửa của dân gian trong lịch sử
- 1.1.2. Nhà cửa của người Việt (Kinh)
- 1.1.3. Nhà cửa của một số dân tộc ít người
- 1.1.4. Kiến trúc đình làng, tôn giáo (Phật giáo)

1.2. Điều khắc và hội họa truyền thống Việt Nam

- 1.2.1. Trang trí trí trong mỹ thuật của người Việt (Thời tiền sử, sơ sử đến giai đoạn tự chủ)
- 1.2.2. Mỹ thuật gian Việt Nam (tranh dân gian)

1.3. Mỹ thuật Chăm Pa, Tây Nguyên

- 1.3.1. Mỹ thuật Chăm pa
- 1.3.2. Mỹ thuật Tây Nguyên

Chương 2: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

2.1. Nghệ thuật biểu diễn cổ truyền vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng

- 2.2.1. Nghệ thuật hát - diễn dân ca Bắc Ninh và một số làn điệu dân ca Bắc Bộ tiêu biểu
- 2.2.2. Nghệ thuật hát - diễn cửa Đình ở Bắc Bộ Việt Nam
- 2.2.3. Nghệ thuật Chèo vùng Bắc Bộ Việt Nam

2.2. Nghệ thuật biểu diễn cổ truyền vùng Trung Bộ Việt Nam

- 2.2.1. Nghệ thuật đàn - ca cung đình Huế
- 2.2.2. Nghệ thuật Tuồng Bình Định
- 2.2.3. Một số làn điệu dân ca tiêu biểu vùng Trung Bộ

2.3. Nghệ thuật biểu diễn Nam Bộ

- 2.3.1. Đàn ca tài tử Nam Bộ
- 2.3.2. Dân ca của một số dân tộc thiểu số Nam Bộ và Tây Nguyên

5. Học liệu

5.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Tập bài giảng *Nghệ thuật truyền thống Việt Nam* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Phạm Trọng Toàn (2007), *Tương đồng và khác biệt giữa hát xoan, hát chèo Phú Thọ và quan họ Bắc Ninh*, NXB Viện Văn hóa Thông tin

[3] Nguyễn Đăng Duy (2004), *Văn hóa Việt Nam đỉnh cao Đại Việt*, NXB Hà Nội.

[4] Chu Quang Trứ (2010), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, NXB thời đại

[5] Lê Văn Tạo (2008), *Nghiên cứu di sản văn hóa truyền thống Thanh Hóa (loại hình kiến trúc – điêu khắc)*, Trường Cao đẳng VHNT Thanh Hóa

6. Hình thức tổ chức dạy học

6.1. Lịch trình chung

Dạy trực tiếp theo TKB

6.2. Lịch trình cụ thể

7. Yêu cầu đối với học viên

- Phần học trên lớp: đánh giá học viên thông qua tính chuyên cần, yêu cầu học viên dự bài giảng tối thiểu 70% số buổi học trên lớp; Tham gia đầy đủ tất cả các buổi thảo luận, tích cực chuẩn bị nội dung thảo luận.
- Phần thảo luận: Học viên phải thực hiện đủ 100% các nội dung thảo luận. Báo cáo kết quả các nội dung thảo luận theo hướng dẫn và quy định.
- Hoàn thành các bài kiểm tra định kỳ.

8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần, chuẩn bị bài, tích cực thảo luận.
- Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của phần tự học, tự nghiên cứu, hoạt động nhóm, kiểm tra giữa kỳ,...
- Tham gia học tập trên lớp chuyên cần: 1/10
- Kiểm tra giữa kỳ: 2/10
- Tham gia thi kết thúc môn học: 7/10
- Thang điểm đánh giá: thang điểm 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế).

Trưởng khoa

TS. Lê Thị Thảo

Trưởng bộ môn

TS. Lê Thị Thảo

Người biên soạn

TS. Trần Việt Anh

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý Văn hóa quy định nội dung tổng thể các hoạt động giáo dục của một khóa học thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bổ thời gian theo quy định, căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ kèm theo Quyết định số: 124/QĐ-ĐVTDĐT ngày 19 tháng 2 năm 2019, Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Giờ quy đổi tính theo quy định trong Quyết định số: 124/QĐ-ĐVTDĐT ngày 19 tháng 2 năm Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ

1TC = 15 tiết giảng hay thảo luận trên lớp;

- = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;
- = 60 giờ thực tập tại cơ sở;
- = 45 giờ làm đồ án, khóa luận.
- 1 giờ lý thuyết = 50 phút.

10.2. Chương trình được thiết kế theo ngành học Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 4/4/2017: Quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học,

10.3. Thời gian và kế hoạch đào tạo

- Chương trình học được thực hiện trong vòng 2 năm, chia thành 4 kì học.
- Học viên phải hoàn thành số tín chỉ theo quy định, bao gồm các học phần lý thuyết, nghiên cứu thực tế và luận văn thạc sĩ.
- Các học phần, các nội dung hoạt động trong toàn khóa học phải được bố trí sắp xếp, lên kế hoạch hợp lý theo trình tự thời gian thành quy trình đào tạo một cách khoa học do hiệu trưởng quyết định
- Các học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương là kiến thức bắt buộc. Thời lượng và nội dung của các học phần này theo hướng dẫn của Bộ giáo dục và đào tạo.

10.4. Điều kiện thực hiện

- Về giảng viên:

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình phải có trình độ tiến sĩ trở lên, có kinh nghiệm dạy ngành Quản lý văn hóa, đã qua nghiệp vụ sư phạm, có lòng yêu nghề và nhiệt huyết với sự nghiệp giáo dục. Ngoài giảng viên cơ hữu, định kỳ nhà trường mời giảng viên thỉnh giảng của các trường đại học chuyên ngành có kinh nghiệm tham gia giảng dạy

- Về phương pháp giảng dạy:

Chủ yếu áp dụng các phương pháp giảng dạy đàm thoại, nêu vấn đề, phát huy tích cực của học viên, với mục tiêu lấy người học làm trung tâm. Phát huy tính chủ động, sáng tạo đối với người học trong việc tiếp cận, chiếm lĩnh tri thức bài giảng, đặc biệt đối với các học phần chuyên ngành.

- Về phương tiện giảng dạy và học tập:

Đảm bảo về tiêu chuẩn phòng học lý thuyết, phòng học thực hành đối với các trang thiết bị đa phương tiện (máy tính, máy chiếu...) nhằm hỗ trợ người dạy và người học khai thác tối đa các ứng dụng khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Thư viện cung cấp đầy đủ giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo phục vụ người dạy và người học trong quá trình giảng dạy và học tập.

10.5. Quy trình tổ chức đào tạo thực hiện theo quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ

10.6. Việc tổ chức kiểm tra và thi học phần theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số: 124/QĐ-ĐVTDT ngày 19 tháng 2 năm Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ

10.7. Việc tổ chức thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy chế ban hành kèm theo Quyết định số: 124/QĐ-ĐVTDT ngày 19 tháng 2 năm Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ

10.8. Phòng Đào tạo Sau đại học theo dõi các khoa chuyên môn liên quan thực hiện các hoạt động dạy và học điều chỉnh và bổ sung chương trình đào tạo theo yêu cầu thực tế đáp ứng nhu cầu xã hội.

10.9. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo để triển khai thực hiện trong phạm vi nhà trường.